



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018





MỤC LỤC

I

THÔNG TIN CHUNG

06

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

26

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững

III

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

48

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến trong năm
- Kế hoạch phát triển
- Về việc thực hiện trách nhiệm với môi trường và xã hội



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

64

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng



QUẢN TRỊ CÔNG TY

74

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

98

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành & phát triển
- Những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động
- Ngành nghề & địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Tên tiếng Anh

TRA VINH WATER SUPPLY & DRAINAGE JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

TRAWACO

Giấy CNĐKDN

Số 2100119570 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 28/12/2010 thay đổi lần thứ 01 ngày 07/12/2016

Vốn điều lệ

145.978.600.000 VND

Vốn đầu tư của CSH

145.978.600.000 VND

Địa chỉ

Số 521B Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Số điện thoại

(0294) 384 0215

Số fax

(0294) 385 0656

Website

www.trawaco.com.vn

Mã cổ phiếu

TVW

Logo công ty







QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh được tách ra từ Công ty cấp nước Cửu Long cũ từ **tháng 05/1992**.

Ngày 03/05/1995 Công ty đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh, là doanh nghiệp nhà nước hạng II, trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh.

Cũng trong năm 1996, Công ty thực hiện nâng cấp nhà máy nước Trà Vinh công suất 7.000 m³/ngày đêm lên 14.000 - 18.000 m³/ngày đêm, bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Úc và vốn đối ứng ngân sách.

Năm 2002, Công ty đưa vào sử dụng Trạm cấp nước thị trấn Tiểu Cần huyện Tiểu Cần công suất 1.200m³/ngày đêm bằng nguồn vốn OECF viện trợ Chính phủ Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách.

Ngày 17/03/1993 UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quyết định số 97/QĐ-UBT về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Công trình Đô thị Trà Vinh.

Tháng 12/1996 Công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang do Công ty đầu tư xây dựng công suất thiết kế 700 m³/ngày đêm.

Tháng 10/1998 Công ty khánh thành đưa Nhà máy cấp nước Tp. Trà Vinh vào sử dụng cấp nước cho Tp. Trà Vinh, thị trấn Châu Thành và vùng ven Tp. Trà Vinh thuộc huyện Châu Thành.

Ngày 07/12/2016 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức trở thành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

Tháng 12/2010 thực hiện chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2011.

Năm 2004 Công ty đưa vào sử dụng trạm cấp nước thị trấn Cầu Quan huyện Tiểu Cần và Trạm cấp nước thị trấn Cầu Kè huyện Cầu Kè công suất mỗi trạm 720m³/ngày đêm bằng nguồn vốn JBIC Nhật Bản vốn và đối ứng ngân sách.

Thực hiện Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh của UBND tỉnh Trà Vinh ngày **13/05/2014** và Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày **21/12/2015** của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Trà Vinh.

Năm 2008 Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước từ Công ty Công trình Đô thị về Công ty



**NHỮNG THÀNH TÍCH
TRONG
QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

Hơn 25 năm thành lập và phát triển, Công ty đạt được rất nhiều thành công trên nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội và các doanh nghiệp trong và ngoài nước tín nhiệm cao, nhận được nhiều giải thưởng, thành tích xuất sắc trong kinh doanh như:

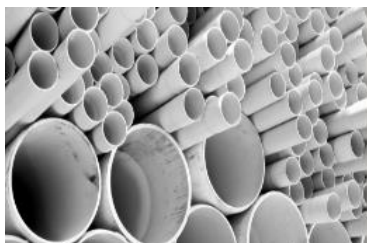
Hai năm liên UBND tỉnh tặng Cờ **Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua** năm 2011, 2012.

Bằng khen của Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh tặng Danh hiệu **Tập thể lao động xuất sắc**.

BCH Trung ương Hội Cấp thoát nước Việt Nam tặng **Bằng khen Đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ** SXKD và chăm lo đời sống CNVC năm 2012.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh



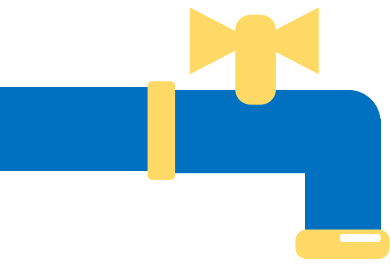
- Sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh;
- Dịch vụ cấp nước sau đồng hồ;
- Dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước, thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống thoát nước;
- Dịch vụ thoát nước công cộng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí chuyên ngành và các sản phẩm dân dụng.



Địa bàn kinh doanh

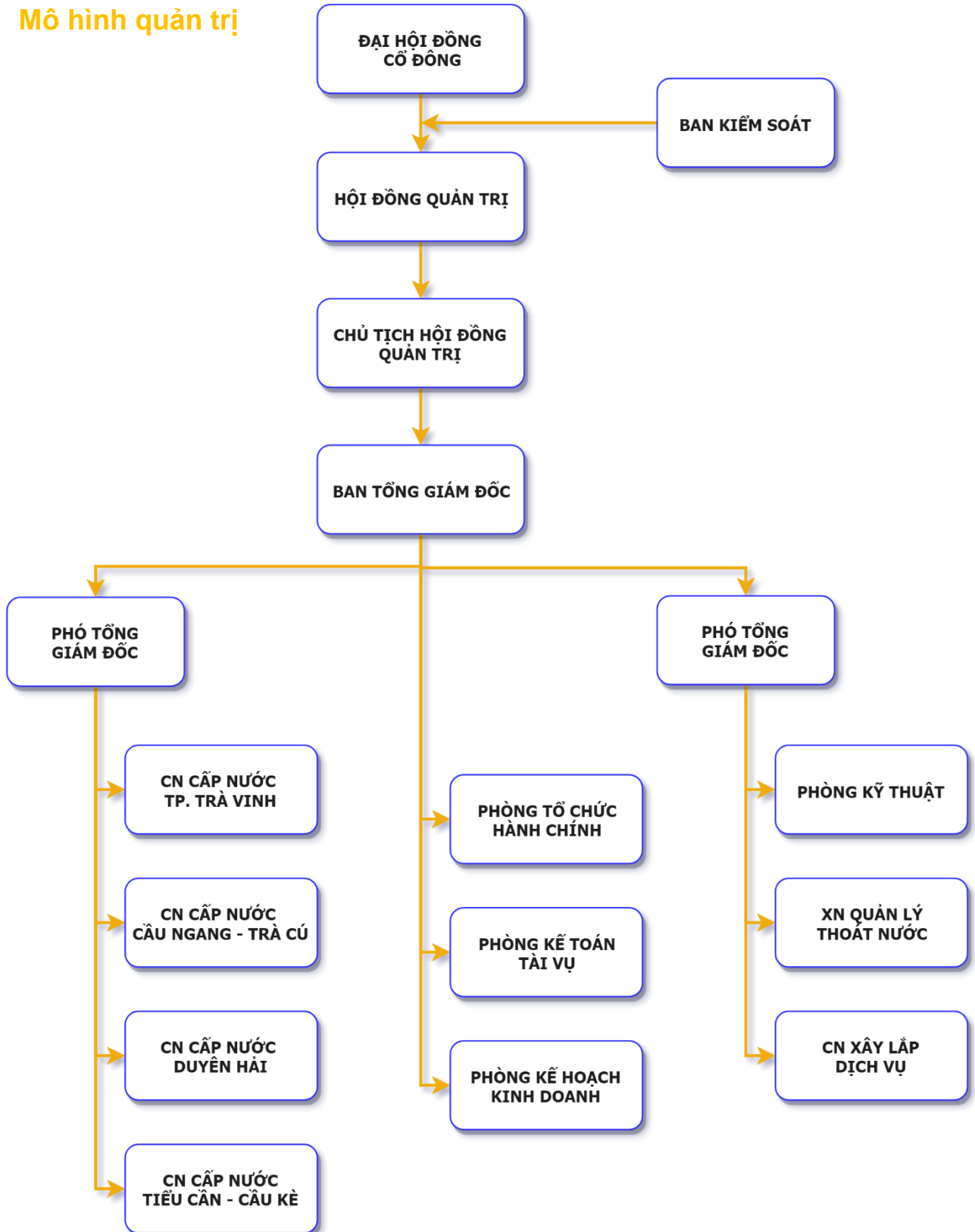


Trụ sở chính Công ty đặt số 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Trawaco cung cấp nước sạch khu vực trọng điểm là Tp. Trà Vinh và các thị trấn trong toàn tỉnh.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị



Các đơn vị trực thuộc

Công ty có 06 đơn vị trực thuộc đang hoạt động, bao gồm:

01. Xí nghiệp Cấp Nước Tp Trà Vinh

Địa chỉ: 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Trà Vinh, Trà Vinh.

02. Chi nhánh Cấp Nước Cầu Ngang – Trà Cú

Địa chỉ: Khóm Thống Nhất, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, Trà Vinh.

03. Chi nhánh Xây lắp - Dịch vụ

Địa chỉ: 521B Nguyễn Chí Thanh, phường 6, Tp. Trà Vinh, Trà Vinh.

04. Chi nhánh Cấp Nước Tiểu Cần – Cầu Kè

Địa chỉ: Ấp Cầu Tre, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, Trà Vinh.

05. Chi nhánh Cấp Nước Duyên Hải

Địa chỉ: Khóm Long Thạnh, phường 1, thị xã Duyên Hải, Trà Vinh.

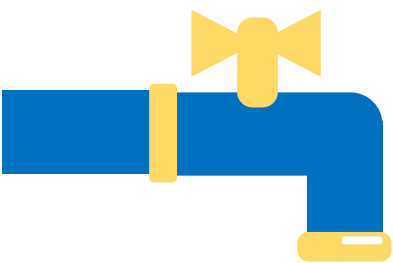
06. Xí nghiệp Quản Lý Thoát Nước

Địa chỉ: Lê Lợi, khóm 4, phường 1, Tp. Trà Vinh, Trà Vinh.

Ngoài ra Công ty còn có các trạm bơm và cung cấp nước trực thuộc các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Quan, Cầu Kè, Châu Thành, Mỹ Chánh.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty con	Không có
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải, giá trị vốn góp: 3.000.000.000 đồng
<ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ	20%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

- ✓ Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu. Sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- ✓ Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.
- ✓ Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Liên kết đối tác chiến lược có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- ✓ Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường. Đồng thời phát triển các loại hình dịch vụ, kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối đa hóa lợi nhuận.
- ✓ Đào tạo và xây dựng một đội ngũ người lao động của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

TRAWACO chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

- ✓ Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- ✓ Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.



Cam kết thực hiện

- ✓ Tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- ✓ Quan tâm đời sống của người lao động, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội,...
- ✓ Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.



Rủi ro về kinh tế

Là doanh nghiệp cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, TVW ít chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố vĩ mô mà sẽ chịu tác động từ sự phát triển kinh tế cũng như các chính sách kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Với vùng địa lý có 65km bờ biển, Trà Vinh chọn hướng đi phát triển nguồn lợi thủy sản, theo đó, tỉnh khai thác tốt tiềm năng kinh tế biển, trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh gắn với thu hút đầu tư vào Khu Kinh tế Định An; chuyển đổi sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã.



Năm 2018, kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh được duy trì ổn định, tốc độ tăng trưởng khá, lạm phát được kiểm soát, môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, lĩnh vực an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Ngoài ra trong năm tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó việc đầu tư vào hạ tầng đô thị như cấp thoát nước là một trong những lĩnh vực trọng điểm của chương trình.

Với những điều kiện thuận lợi đó, TVW được mong đợi sẽ có sự tăng trưởng tốt trong những năm tới. Ngoài ra, Công ty cũng luôn theo dõi tình hình kinh tế - xã hội để kịp thời đưa ra những quyết định sản xuất kinh doanh, đầu tư hợp lý, góp phần đạt được kế hoạch Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

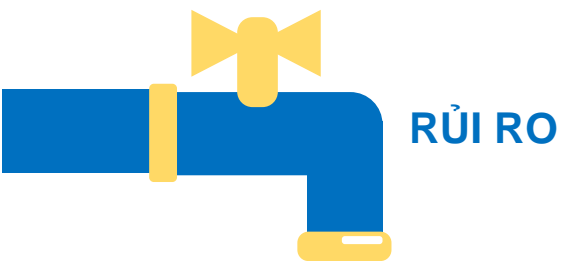
Rủi ro pháp luật

Pháp luật là một trong những yếu tố chi phối xuyên suốt quá trình hoạt động của Công ty. Như các doanh nghiệp khác đang hoạt động tại Việt Nam, TVW tuân thủ theo các văn bản Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Lao động,...và các văn bản dưới Luật liên quan. Riêng về ngành cấp thoát nước, TVW lại chịu chi phối thêm bởi Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước cũng như các văn bản Luật hướng dẫn.

Trong năm 2018, một số văn bản dưới Luật đã được ban hành và có hiệu lực, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của TVW như: Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/07/2018; Nghị định 167/2018/NĐ-CP quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

Trước những thay đổi này, Công ty luôn phải cập nhật nhanh chóng để tránh vi phạm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, bên cạnh việc nghiêm chỉnh chấp hành theo các quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, Công ty còn liên tục theo dõi, cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp cho phù hợp.



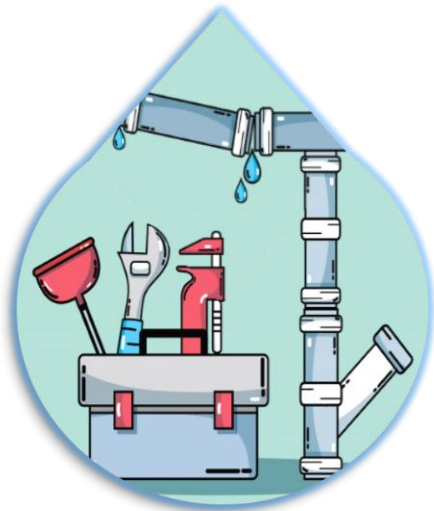


+ Rủi ro về nguồn nước thô:

Chất lượng nguồn nước thô có thể ảnh hưởng quá trình xử lý và cung cấp nước sạch của Công ty. Hiện nay, nguồn nước đang phải đối mặt với nguy cơ như xâm nhập mặn, mức nước ngầm hạ thấp và sự nhiễm bẩn, độ cứng tăng, hàm lượng sắt tăng cao.

Là một tỉnh ven biển, Trà Vinh chịu ảnh hưởng lớn bởi hiện tượng xâm nhập mặn. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2014-2018, Trà Vinh đã được Trung ương đầu tư 56 tỷ đồng thực hiện dự án trồng rừng. Việc bảo vệ và trồng mới rừng ngập mặn ven biển không chỉ đóng góp hiệu quả cho kinh tế tại địa phương mà còn ngăn chặn tình trạng sụt lún, xâm nhập mặn trong tình hình biến

Về phía Công ty, TVW đã thực hiện đầu tư các hệ thống xử lý nguồn nước. Ngoài ra, nguồn nước thô của Công ty được lấy từ 12 giếng khai thác D200mm, mỗi trạm cấp nước tại các thị trấn lại có một giếng khai thác D80 – D114mm để cung cấp nước cho dân cư tại đó. Công ty cũng có 3 bể chứa nước với sức chứa 2000 m³. Đây sẽ là những yếu tố hỗ trợ cho hoạt động của TVW. Dù vậy, Công ty cũng không ngừng nâng cấp các hệ thống xử lý nước để đảm bảo chất lượng nguồn nước ra. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ đang khuyến khích hạn chế sử dụng nước dưới đất (hay nước ngầm). Điều này đòi hỏi Công ty phải dự tính tìm một nguồn nước thay thế, đồng thời thực hiện khai thác nguồn nước hiện tại một cách hiệu quả nhằm giữ gìn tài nguyên nước cũng như tránh tình trạng sụt lún đất.



+ Rủi ro hoạt động

Thất thoát nước là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp cấp nước. Nước được sản xuất ra thường bị thất thoát lớn do sự rò rỉ vật lý trong quá trình phân phối nước. Nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống dẫn nước đã cũ, cộng thêm tác động từ các đơn vị thi công công trình khác ảnh hưởng đến đường ống cấp nước. TVW cũng đã đầu tư thi công các tuyến ống phân phối, nhằm cải tạo, nâng cấp mạng lưới phân phối nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước.



+ Rủi ro đơn giá đầu ra

Đặc thù của ngành cấp nước là đơn giá đầu ra do các cơ quan Nhà nước kiểm soát. Điều này đã gây ra cho các doanh nghiệp cấp nước nói chung những khó khăn nhất định về mặt tài chính. Nguyên nhân là do các chi phí đầu vào như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân viên,... hiện nay có xu hướng tăng lên nhưng đơn giá nước đầu ra vẫn chưa được điều chỉnh kịp thời theo lộ trình tăng giá nước. Vì vậy, TVW cần đưa ra các chiến lược phù hợp, mở rộng địa bàn kinh doanh, tăng doanh thu nhằm giải quyết bài toán tài chính hiện tại.



RỦI RO



Rủi ro về môi trường

Là một doanh nghiệp cấp thoát nước, hoạt động của TVW chịu nhiều tác động từ yếu tố môi trường. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngày càng tăng cao gây ra khó khăn nhất định cho Công ty trong việc xử lý nước. Mặt khác, hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, điều này đòi hỏi Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chất lượng nước và môi trường.

Hiểu rõ điều này, Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề môi trường. Cụ thể, trong hoạt động, để nâng cao hiệu suất công việc cũng như góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường, TVW đã đầu tư các hệ thống xử lý nguồn nước như tại sông Láng Thè, tại Nhà máy nước Tp. Trà Vinh,... thực hiện tốt công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước; xử lý các chất thải từ quá trình sản xuất,... Bên cạnh đó, Công ty cũng ý thức khai thác nguồn nước hợp lý nhằm giữ gìn tài nguyên nước, đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai.



Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro chính đã nêu, hoạt động của doanh nghiệp còn chịu tác động từ các rủi ro bất khả kháng, tuy hiếm xảy ra nhưng có thể những hậu quả nghiêm trọng như: thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn lao động, dịch bệnh,...

Để tránh những tổn thất không đáng có, đảm bảo an toàn cho người lao động và đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,...thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức & nhân sự
- Tình hình đầu tư & thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo phát triển bền vững



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	%TH 2018/ TH 2017	% TH2018/ KH 2018
Doanh thu thuần	83.482	-	91.245	109,30%	-
Lợi nhuận trước thuế	12.507	13.125	13.984	111,81%	106,54%
Lợi nhuận sau thuế	9.987	10.500	11.156	111,71%	106,25%

Sau hai năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, tình hình sản xuất kinh doanh của TRAWACO dần ổn định và đạt được các kết quả đáng khích lệ. Các chỉ tiêu tài chính đều đạt và vượt so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Doanh thu thuần của Công ty đạt 91.245 triệu đồng, tăng 9,30% so với năm 2017 nhờ vào công tác mở rộng hoạt động kinh doanh, phát triển mạng phân phối cấp nước đưa vào sử dụng 36 tuyến ống các loại từ D63 đến D114; phát triển ống nhánh lắp mới tăng thêm 3.190 hộ, tăng 4,7% so năm 2017, tăng 6,9% so kế hoạch. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng nước của khách hàng các nhà máy nước ngày càng tăng. Cùng với đó, nhờ vào công tác quản lý chi phí hiệu quả, giá vốn hàng bán của Công ty chỉ biến động tăng 7,15%.

Kết quả là biên lợi nhuận của Công ty tăng lên, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng 112,31% năm 2017. Ngoài ra, do trong năm Công ty đã trả bớt các khoản nợ gốc nên chi phí lãi vay đã giảm xuống, từ 1.053 triệu đồng xuống 889 triệu đồng. Đây là những yếu tố chính góp phần làm lợi nhuận thuần của Công ty đạt 15.582 triệu đồng, tăng 25,18%.

Mặt khác, Công ty có phát sinh một khoản chi phí khác trị giá 1.889 triệu đồng do Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy cấp nước thành phố Trà Vinh dừng thực hiện theo quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, dẫn đến việc lợi nhuận khác giảm 1.598 triệu đồng. Sự sụt giảm này làm cho lợi nhuận sau thuế của TVW biến động giảm. Dù vậy, kết quả đạt được vẫn khá tốt. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty là 11.156 triệu đồng, tăng 11,71% so với cùng kỳ năm 2017 và vượt 6,25% kế hoạch đề ra.

Cơ cấu doanh thu thuần



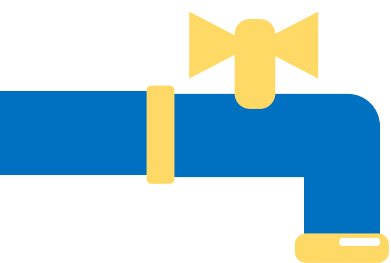
Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	76.939	92,16%	83.771	91,81%
Doanh thu thoát nước vỉa hè	4.571	5,48%	5.661	6,20%
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	186	0,22%	155	0,17%
Doanh thu xây lắp	1486	1,78%	1446	1,58%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	300	0,36%	213	0,23%
Tổng cộng	83.482	100,00%	91.245	100,00%

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước máy phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Mảng hoạt động này đã đem về 83.771 triệu đồng cho TVW, tương đương 91,81% doanh thu thuần. Bên cạnh đó, nhờ vào công tác mở rộng mạng lưới cấp nước như đã trình bày, doanh thu cấp nước năm 2018 đã tăng trưởng tốt, tăng 8,88%, tương đương tăng 6.832 triệu đồng.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện cung cấp dịch vụ thoát nước vỉa hè. Hiện nay, doanh thu từ hoạt động thoát nước vẫn còn chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ, bằng 6,20% doanh thu thuần. Dù vậy, doanh thu này đã tăng 23,84% so với năm 2017. Sự gia tăng này là một tín hiệu cho thấy đây là một mảng kinh doanh đầy tiềm năng của Công ty, nhất là khi tình trạng ngập úng vào mùa mưa đang là một trong những vấn đề của các đô thị hiện nay.

Bên cạnh dịch vụ cấp thoát nước, TVW còn kinh doanh các vật liệu ngành nước, nhận thi công xây lắp,....tổng doanh thu của các hoạt động này năm 2018 là 1.883 triệu đồng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT		Họ và tên	Chức vụ
2	Ông	Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng giám đốc
3	Ông	Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng giám đốc
4	Ông	Đào Thiện Duyên	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban điều hành

Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT.CTN ngày 02/01/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh:

“Cho thôi giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh đối với ông Nguyễn Như Bình kể từ ngày 01/01/2018” (Lý do: Nghỉ hưu).



Lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Quý - Phó Tổng giám đốc điều hành

Ngày tháng năm sinh	25/12/1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ 1985 - 1987: Cán bộ chuyên quản tại Sở Tài chính Cửu Long.</p> <p>Từ 1987 - 1988: Kế toán trưởng tại các chương trình viện trợ Quốc tế Cửu Long</p> <p>Từ 1988 - 1992: Kế toán trưởng tại Chương trình nước Cửu Long.</p> <p>Từ 1992 - 1996: Kế toán trưởng tại Chương trình nước Trà Vinh.</p> <p>Từ 1996 - 1998: Phó Chủ nhiệm, Phó Giám đốc tại Trung tâm nước và vệ sinh môi trường tỉnh Trà Vinh.</p> <p>Từ 1998 - 2000: Phó Giám đốc tại Công ty Điện nước sinh hoạt nông thôn.</p> <p>Từ 05/2001 - 12/2010: Phó Giám đốc tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ 01/2011 - 11/2016: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ 12/2016 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, chủ tịch Công đoàn cơ sở tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty, Chủ tịch Công đoàn cơ sở Công ty Cổ Phần Cấp thoát nước Trà Vinh.
Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải
Số CP nắm giữ tại ngày 26/07/2018	3.465.427 cổ phần, tương đương 23,74% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	3.454.827 cổ phần, tương đương 23,67% VĐL. (đại diện cho UBND tỉnh Trà Vinh)
➤ Cá nhân sở hữu:	10.600 cổ phần, tương đương 0,072% VĐL.

Ông Trương Hoàng Diệp - Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh	16/02/1970
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác	<p>Từ 1993 - 1994: Cán bộ kỹ thuật tại Sở Xây dựng Trà Vinh.</p> <p>Từ 1995 - 2001: Cán bộ kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án địa phương thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.</p> <p>Từ 2002 - 2003: Trưởng phòng Quản lý kỹ thuật tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.</p> <p>Từ 2004 - 2011: Phó Giám đốc tại Ban quản lý Dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp thuộc Sở Xây dựng Trà Vinh.</p> <p>Từ 2012 - 2014: Phó phòng Quản lý hoạt động xây dựng và chất lượng công trình tại Sở Xây dựng Trà Vinh.</p> <p>Từ 07/2014 - 11/2016: Phó Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ 12/2016 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Bí thư Đảng ủy
Số CP nắm giữ tại ngày 26/07/2018	3.310.948 cổ phần, tương đương 22,68% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	3.308.848 cổ phần, tương đương 22,67% VĐL. (đại diện cho UBND tỉnh Trà Vinh)
➤ Cá nhân sở hữu:	2.100 cổ phần, tương đương 0,014% VĐL.



Ông Đào Thiện Duyên - Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh	10/10/1970
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ tháng 08/1992 - 03/1995: Kế toán vật tư Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh).</p> <p>Từ tháng 04/1995 - 03/2003: Kế toán tổng hợp Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh)</p> <p>Từ tháng 04/2003 - 12/2008: Kế toán trưởng Công ty cổ phần nước khoáng Samvi Trà Vinh.</p> <p>Từ tháng 01/2009 - 07/2015: Kế toán trưởng Chi cục đăng kiểm Trà Vinh trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam.</p> <p>Từ tháng 08/2015 - 12/2016: Phó phòng Kế toán tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ tháng 01/2017 – 12/2017: Phó phòng kế hoạch kinh doanh tại Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ tháng 01/2018 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty đại chúng	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Ủy viên BCH công đoàn công ty
Số CP nắm giữ tại ngày 31/12/2018	7.500 cổ phần, tương đương 0,051% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Cá nhân sở hữu:	7.500 cổ phần, tương đương 0,051% VĐL.



Số lượng người lao động tính đến ngày 31/12/2018

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	197	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	69	35,03%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	46	23,35%
3	Công nhân kỹ thuật	64	32,49%
4	Sơ cấp	0	0,00%
5	Lao động phổ thông	18	9,14%
II	Theo giới tính	197	100,00%
1	Nam	174	88,32%
2	Nữ	23	11,68%

Lương bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	2018
Lương bình quân	Đồng/người/tháng	7.810.268	7.854.300	8.122.000

Tổng số lao động thực tế của Công ty có mặt vào ngày 31/12/2018 là 197 người, giảm 1 người so với năm trước. Trong số 197 nhân viên, lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chiếm tỷ trọng 58,38%, với 115 người. Còn lại 82 công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông chiếm 41,62%

Mức lương bình quân của người lao động 8.122.000 đồng, tăng 3,41% so với năm 2017.

Chính sách đối với người lao động

Chính sách nhân sự

Việc trả lương thưởng cho từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh và đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo đời sống cho người lao động yên tâm công tác. Thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động về lương thưởng và các chế độ cho người lao động.



Đánh giá năng lực đội ngũ quản lý, đội ngũ lao động: Công ty tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty đạt hiệu quả cao.



Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty sẽ thực hiện công tác điều động, luân chuyển công tác người lao động, đội ngũ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy năng lực cá nhân.



Hiện nay Công ty đang xây dựng thang, bảng lương mới theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.



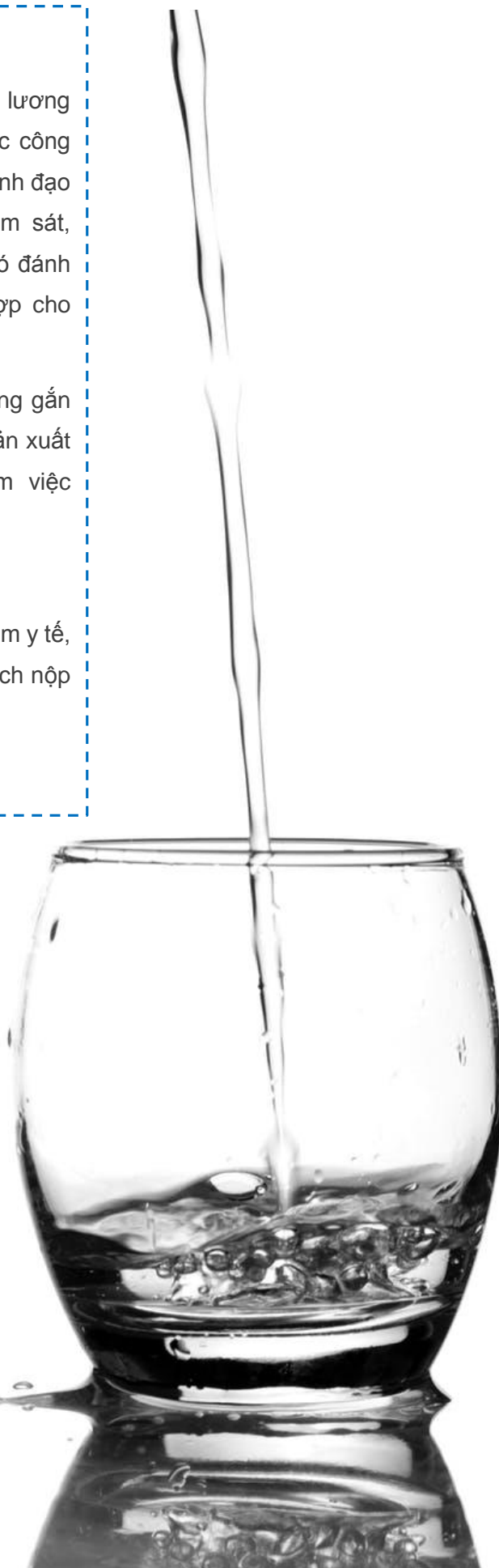
Chính sách lương - thưởng

TRAWACO xây dựng chính sách lương người lao động phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho người lao động trên toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực.

Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

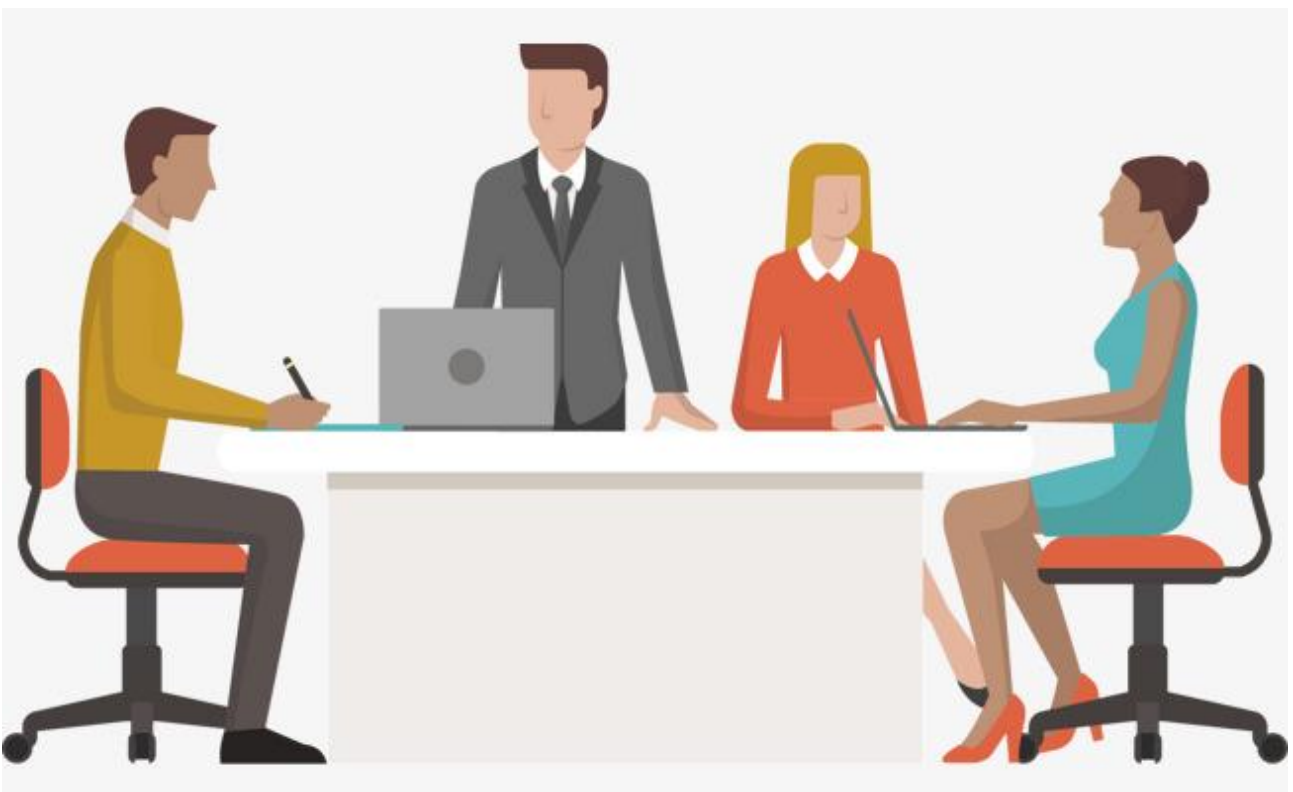


Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Để có được nguồn nhân lực phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty, TVW đặc biệt chú trọng đến công tác tuyển dụng, nhất là trong việc xây dựng chính sách tuyển dụng của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với người lao động giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân người lao động lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ quản lý, người lao động cũng được chú trọng về chiều sâu.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN



Đầu tư mua sắm, thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước phân phối từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018: Giá trị khoảng 7,498 tỷ đồng.

- + Ống phân phối: 31.500 m dài.
- Lắp đặt mới đồng hồ nước: 3.190 cái.
- Thay thế đồng hồ kiểm định định kỳ 05 năm/lần: 4.679 cái.
- Sửa chữa lớn tài sản cố định, với giá trị khoảng 1,282 tỷ đồng.

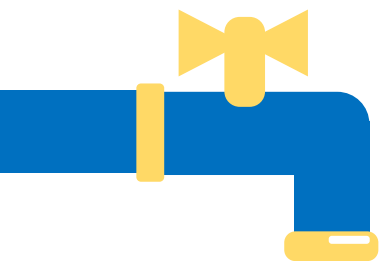
Tình hình đầu tư tài chính trong năm: Không có.

Công tác triển khai thực hiện các dự án:

Công tác triển khai thực hiện các dự án:

- + Dự án Xây dựng hệ thống xử lý chất lượng nước của Nhà máy cấp nước Tp. Trà Vinh công suất 18.000 m³/ngày đêm: Khởi công và hoàn thành vào khoảng ngày 20/04/2019 theo đấu thầu EPC, giá trị 14.484.083.000 đồng
- + Dự án Nước mặt lưu lượng 15.000 m³/ngày đêm: Đã triển khai chọn đơn vị Tư vấn lập hồ sơ xin cấp phép khai thác nước mặt lưu lượng 15.000 m³/ngày đêm là Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam.
- + Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh: Đã có quyết định phê duyệt báo cáo quyết toán hoàn thành Dự án và Công ty đang thực hiện các thủ tục chi trả và thu hồi theo Quyết định.
- + Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy cấp nước thành phố Trà Vinh – tỉnh Trà Vinh: Đã có quyết định phê duyệt báo cáo quyết toán ngừng thực hiện Dự án và Công ty đang thực hiện các thủ tục chi trả và thu hồi theo Quyết định.
- + Đã thực hiện giai đoạn 1 của Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Cầu Kè. Giá trị dự toán: 590.001.339 đồng, giá trị quyết toán: 581.037.732 đồng. Dự án đã ngưng được tài trợ và các ngành chức năng yêu cầu Công ty trình UBND tỉnh Trà Vinh quyết toán chấm dứt dự án theo vốn tài trợ.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng giá trị tài sản	330.221	313.162
2	Doanh thu thuần	83.482	91.245
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.448	15.582
4	Lợi nhuận khác	59	-1.598
5	Lợi nhuận trước thuế	12.507	13.984
6	Lợi nhuận sau thuế	9.987	11.156

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,35	0,36
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,22	0,20
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	52,70%	48,03%
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	111,44%	92,43%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,47	5,55
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,24	0,28
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	11,96%	12,23%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	6,48%	7,00%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,91%	3,47%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,91%	17,08%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của TVW có sự biến động trong năm 2018. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 0,36 lần, tăng 0,01 lần, trong khi đó, hệ số thanh toán nhanh giảm 0,02 lần. Trong năm, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn của Công ty đều giảm, tuy nhiên tốc độ giảm của nợ ngắn hạn nhanh hơn so với của tài sản ngắn hạn nên hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ từ 0,35 lên 0,36 lần. Mặc dù vậy, Công ty cũng cần chú ý theo dõi và có biện pháp phù hợp để đảm bảo khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty đang duy trì cơ cấu nguồn vốn khá cân bằng giữa khoản vay và khoản vốn chủ sở hữu. Trong năm, Công ty đã trả bớt nợ gốc các khoản vay dài hạn làm cho nợ dài hạn giảm 17.679 triệu đồng, tỷ trọng nợ của TVW từ đó cũng giảm từ 52,70% xuống còn 48,03%. Điều này cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty đã tăng lên, không phụ thuộc quá lớn vào nợ vay. Trong năm, Công ty thực hiện vay Quỹ Đầu tư Phát triển Trà Vinh và vay ODA từ Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) chủ yếu để phục vụ cho dự án NMN TT Duyên Hải và NMN TT Tiểu Cần – Cầu Quan. Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty còn có thêm các khoản phải trả vốn ngân sách Nhà nước 20.775 triệu đồng.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Để sản xuất và cung cấp nước sạch cho cộng đồng, các doanh nghiệp cấp nước cần có hệ thống xử lý nước, bể chứa, mạng lưới đường ống dẫn nước,... Do đó, tài sản của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này thường có giá trị rất lớn. Điều này làm cho tỷ số doanh thu thuần trên tổng tài sản tương đối nhỏ. Vòng quay tổng tài sản của TVW nằm ở mức 0,28 vòng.

Tốc độ luân chuyển hàng tồn kho của TVW năm 2018 tương đối nhanh, đạt 5,55 vòng. Chỉ số này cho thấy Công ty đang quản lý hàng tồn kho khá tốt. Trong năm, hàng tồn kho của Công ty là nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trị giá 10.043 triệu đồng. Công ty không có chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2018, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng cho thấy Công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả. Nhờ vào công tác mở rộng mạng lưới phân phối nước, tăng thêm lượng khách hàng tiêu thụ, doanh thu của Công ty đạt 91.245 triệu đồng, tăng 9,30%. Kết hợp với hiệu quả từ công tác quản lý chi phí, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 25,18%. Sự gia tăng này góp phần làm cho các chỉ tiêu ROE, ROA lần lượt tăng 0,56% và 0,52%. Tỷ số lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần cũng đạt kết quả ấn tượng, lần lượt là 12,23% và 17,08%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/07/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	184	14.597.860	100,00
	Tổ chức	5	14.228.660	97,47
	Cá nhân	179	369.200	2,53
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00
	Tổng cộng	184	14.597.860	100,00

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 26/07/2018

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Trà Vinh	1563/QĐ-TTg	12.019.660	82,34%
2	Công ty CP Nước & Môi trường Đồng Bằng	305246086	1.459.854	10,00%
3	Công ty Cổ phần RYNAN TECHNOLOGIES Vietnam	2100592145	740.146	5,07%
Tổng cộng			14.219.660	97,41%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của CSH	Không có
Giao dịch cổ phiếu quỹ	Không có
Các chứng khoán khác	Không có
Cổ phần	
Vốn điều lệ	145.978.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.597.860.000 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
Cổ phiếu thường	14.597.860.000 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.597.860.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu





BÁO CÁO VỀ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên liệu

Quá trình xử lý nước để tạo ra nước sạch của Công ty chủ yếu sử dụng các hóa chất xử lý nước thông dụng như: Clo, PAC, phèn, vôi,... Các hóa chất này không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.





Tiêu thụ năng lượng

Điện năng là nguồn năng lượng chính của Công ty để vận hành dây chuyền xử lý nước cũng như chiếu sáng khu vực nhà máy. Trong một số ít trường hợp bị mất điện, Công ty sẽ dùng dầu Diesel để chạy máy phát điện thay thế. Đối với các nguồn năng lượng này, Công ty luôn chủ trương sử dụng tiết kiệm, hợp lý.

Tính toán, sử dụng đúng liều lượng các hóa chất xử lý nước; Bảo quản đúng cách sau khi sử dụng.

Hướng dẫn, kêu gọi cán bộ, công nhân viên giữ gìn môi trường tại nhà máy cũng như khu vực xung quanh,...

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công tác xử lý nước, cấp nước cũng như thoát nước của Công ty có thể gây tác động trực tiếp đến môi trường xung quanh. Ý thức được điều đó, Công ty luôn chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của mình. Trong năm, TRAWACO đã tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước. Kết quả là công tác quản lý và bảo vệ môi trường được thực hiện tốt, đáp ứng được yêu cầu trong các cuộc kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng, nhận được sự ủng hộ của cư dân địa phương.

Đồng thời, Công ty không có hành vi vi phạm và không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định bảo vệ môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng người lao động: Tổng số lao động đến ngày 31/12/2018 là 197 người.
- Mức lương trung bình 8.122.000 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc,...
- Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) nhất là công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC).
- Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2018, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.

Hoạt động đào tạo người lao động: Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức cho người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.



Trách nhiệm đối với môi trường

Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân. Do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để người dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho người dân. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng

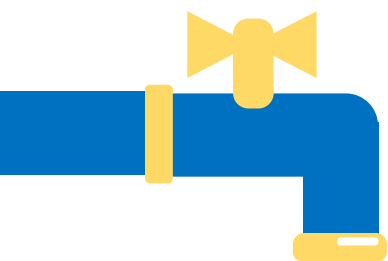
Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hàng năm, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả đạt được cho thấy cán bộ công nhân viên có năng lực nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cường hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Mặt khác, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục có sự cải thiện cũng góp phần tạo nên những điểm sáng về kết quả thực hiện mục tiêu đối với những người đã luôn gắn bó với Công ty vì mục tiêu phát triển chung.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện,... đặc biệt trong vùng hoạt động chính của Công ty tại Trà Vinh.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	2018/2017
1	Doanh thu thuần	83.482	91.245	109,30%
2	Giá vốn hàng bán	48.738	52.222	107,15%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.745	39.022	112,31%
4	Doanh thu tài chính	324	23	7,10%
5	Chi phí tài chính	1.053	889	84,43%
6	Chi phí bán hàng	9.214	9.971	108,22%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.353	12.604	102,03%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.448	15.582	125,18%
9	Thu nhập khác	193	350	181,35%
10	Chi phí khác	134	1.948	1453,73%
11	Lợi nhuận khác	59	-1.598	-2708,47%
12	Lợi nhuận trước thuế	12.507	13.984	111,81%
13	Lợi nhuận sau thuế	9.987	11.156	111,71%



TRAWACO hoạt động trong lĩnh vực cấp nước sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, do đó, tình hình phát triển của tỉnh nói chung cũng như của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn nói riêng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Công ty. Năm 2018, kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh được duy trì ổn định, tốc độ tăng trưởng khá, lạm phát được kiểm soát, môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, lĩnh vực an sinh xã hội được quan tâm thực hiện. Tỉnh đã giải quyết được việc làm cho 30.850 lao động, góp phần tạo điều kiện cho người lao động ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống. Ngoài ra trong năm tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó việc đầu tư vào hạ tầng đô thị như cấp thoát nước là một trong những lĩnh vực trọng điểm của chương trình. Những yếu tố này đã góp phần tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho TVW thực hiện được những kế hoạch đề ra.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm Công ty đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Công ty thực hiện kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ ở các đô thị trong toàn tỉnh, tập trung tại Thành phố Trà Vinh và thị trấn Châu Thành. Trong đó nhà máy cấp nước Duyên Hải vận hành với công suất 9.600 m³/ngày đêm. Tổng công suất khai thác toàn Công ty bình quân đạt 34.050 m³/ngày đêm. Sản lượng nước sạch cung cấp đến người tiêu dùng đạt 10.623.941 m³, vượt 2,90% so với kế hoạch đã đề ra, đáp ứng đủ nhu cầu cấp nước cho khách hàng. Doanh thu thuần đạt 91.245 triệu đồng, tăng 9,30% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế là 11.156 triệu đồng, hoàn thành 106,25% kế hoạch và bằng 111,71% năm 2017.



Cùng với việc tăng khả năng cung cấp nước, Công ty tiến hành công tác cải thiện mạng lưới cấp nước hiện hữu và đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước những khu vực đông dân cư. Tỷ lệ thất thoát nước năm 2018 là 11%; giảm 0,6% so năm 2017 và giảm 0,7% so với kế hoạch, chứng tỏ Công ty đã kiểm soát tốt thất thoát. Công ty không ngừng cải thiện chất lượng nước sạch, thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố hư hỏng nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Qua quá trình phát triển đơn vị đạt được một số thành tựu quan trọng tạo tiền đề cho bước phát triển mới trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh việc tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp nước sạch cho dân cư đô thị, Công ty còn tăng cường hoạt động của dịch vụ thoát nước vỉa hè. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến sẽ xúc tiến mảng quản lý và xây lắp các hệ thống cấp thoát nước, thiết kế các hạng mục cấp và thoát nước nhằm phát triển thêm ngành nghề ngành kinh doanh khác, từ đó gia tăng nguồn thu.



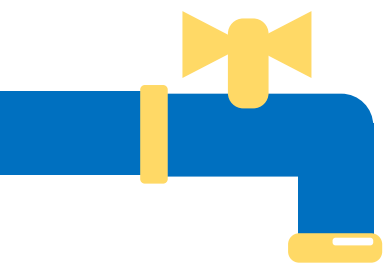
Thuận lợi

- ✓ Trong năm 2018, tình hình kinh tế vĩ mô trong nước được giữ ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát, cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng tích cực. Tình hình kinh tế ổn định cùng với môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô.
- ✓ Công ty nhận được chỉ đạo và quan tâm sâu sắc từ cổ đông lớn Nhà nước - UBND tỉnh Trà Vinh (sở hữu 82,34% vốn điều lệ). Đây là điều thuận lợi cho Công ty luôn được sự chỉ dẫn hỗ trợ từ phía UBND tỉnh để mở rộng và phát triển hoạt động tại địa bàn.
- ✓ Nước sạch là sản phẩm thiết yếu đối với đời sống người dân cũng như trong hoạt động sản xuất. Do đó nhu cầu về nước sạch luôn ở mức cao. Cùng với đó, chất lượng đời sống xã hội ở nước ta ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Công ty ngày một cao hơn.
- ✓ Quy hoạch phát triển đô thị tại Trà Vinh trong thời gian qua có nhiều thay đổi, đặc biệt sẽ thay đổi nhanh chóng trong thời gian tới. Tỷ lệ đô thị hóa cho thấy dân số đô thị thành phố Trà Vinh tới năm 2020 sẽ vào khoảng 360.000 - 400.000 người. Điều này sẽ mở ra một thị trường tiêu thụ mới cho Công ty.



Khó khăn

- × Nước sạch sinh hoạt cho các hộ dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nước tiêu thụ của Công ty, trong khi đó giá bán nước sạch sinh hoạt cho các hộ dân cư thường thấp hơn các đối tượng khác và do UBND tỉnh Trà Vinh quyết định nên việc điều chỉnh giá nước sinh hoạt của hộ dân cư chậm và thấp hơn đề xuất của Công ty sẽ ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.
- × Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho cấp nước còn hạn chế, Công ty phải sử dụng nguồn vốn tự có và đi vay để tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư.
- × Chi phí đầu vào như hóa chất, nguyên, nhiên liệu, tiền lương người lao động có xu hướng tăng làm cho chi phí sản xuất tăng.
- × Chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước khá tốn kém do phát sinh của chi phí bồi thường, đầu tư hệ thống cấp nước.
- × Việc cho các cơ sở sản xuất, một số doanh nghiệp được tự khoan giếng ngầm đã làm giảm sút sản lượng tiêu thụ, ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm dự trữ, làm gián tiếp ảnh hưởng tới nguồn nước của nhà máy, ảnh hưởng tới môi trường nước.
- × Hoạt động vệ sinh môi trường có xu hướng chuyển sang cơ chế đấu thầu thay vì đặt hàng doanh nghiệp như trước đây. Do đó, môi trường kinh doanh của TRAWACO sẽ trở nên cạnh tranh hơn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	23.658	7,16%	22.085	7,05%
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.963	1,50%	3.146	1,00%
Phải thu ngắn hạn	9.522	2,88%	8.895	2,84%
Hàng tồn kho	8.782	2,66%	10.043	3,21%
Tài sản ngắn hạn khác	390	0,12%	-	0,00%
Tài sản dài hạn	306.563	92,84%	291.077	92,95%
Phải thu dài hạn	2.025	0,61%	50	0,02%
Tài sản cố định	282.534	85,56%	272.809	87,11%
Tài sản dở dang dài hạn	6.726	2,04%	4.097	1,31%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.000	0,91%	3.000	0,96%
Tài sản dài hạn khác	12.278	3,72%	11.122	3,55%
Tổng tài sản	330.221	100,00%	313.162	100,00%

Với đặc thù của doanh nghiệp cấp thoát nước, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản của Công ty, bao gồm các tài sản cố định hữu hình như nhà máy xử lý nước, hệ thống đường ống, máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch. Cuối năm 2018, giá trị tài sản dài hạn là 291,077 triệu đồng, bằng 92,95% tổng tài sản. Tỷ trọng này cũng đã tăng lên so với năm 2017, tăng 0,11%. Trong năm, Công ty đã mua sắm thêm các phương tiện vận tải, máy móc,... làm cho nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng thêm 7.749 triệu đồng

Dù vậy, do khoản trích khấu hao tài sản trong năm khá lớn (khấu hao tài sản cố định hữu hình thêm 17.376 triệu đồng), nên tổng giá trị tài sản cố định hữu hình lại giảm 9.625 triệu đồng so với cùng kỳ. Đây là nguyên nhân chính khiến cho giá trị tài sản dài hạn cuối năm 2018 giảm nhẹ 5,05% so với thời điểm 31/12/2017. Giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty bằng 22.085 triệu đồng, trong đó có 10.043 triệu đồng là vật tư chuyên ngành cấp thoát nước, 8.895 triệu đồng phải thu ngắn hạn khách hàng,...

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

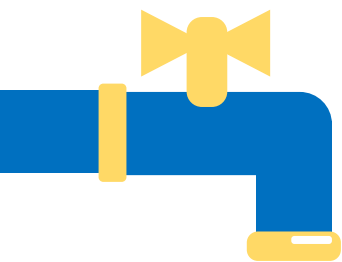
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	67.187	38,60%	61.242	40,71%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.775	1,59%	2.016	1,34%
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	2.239	1,29%	1.695	1,13%
Phải trả người lao động	7.450	4,28%	4.604	3,06%
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.662	4,40%	6.249	4,15%
Phải trả ngắn hạn khác	29.561	16,98%	30.696	20,41%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.740	9,62%	15.940	10,60%
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	760	0,44%	42	0,03%
Nợ dài hạn	106.855	61,40%	89.176	59,29%
Phải trả dài hạn khác	195	0,11%	214	0,14%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	106.659	61,28%	88.962	59,14%
Nợ phải trả	174.042	100,00%	150.418	100,00%

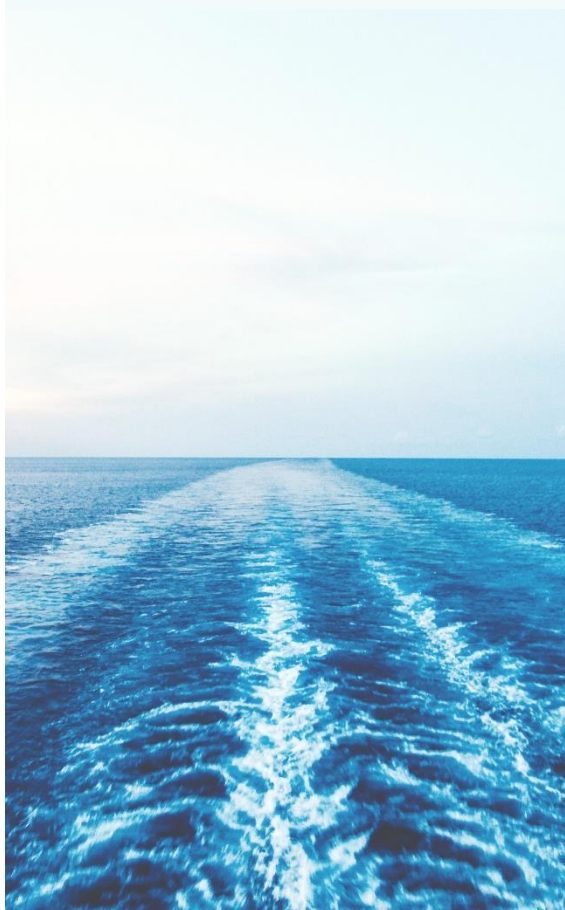
Để tài trợ cho các tài sản dài hạn như nhà máy xử lý nước, hệ thống đường ống,... Công ty sử dụng phần lớn nợ dài hạn trong cơ cấu nợ vay. Các khoản vay trong năm của Công ty chủ yếu dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án Nhà máy nước Duyên Hải, Nhà máy nước Tiểu Cần – Cầu Quan. Công ty thực hiện vay từ hai nguồn đó là Quỹ Đầu tư Phát triển Trà Vinh và vay ODA từ Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).

Cuối năm 2018, nợ dài hạn của Công ty là 89.176 triệu đồng, bằng 59,29% nợ phải trả, bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn, phải trả dài hạn khác. Trong đó, chiếm chủ yếu là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển – DA TT Duyên Hải 59.802 triệu đồng, Ngân hàng Phát triển – DA TT Tiểu Cần – Cầu Quan 26.582 triệu đồng,... Nợ ngắn hạn của Công ty là 61.242 triệu đồng, một phần cũng dùng cho các dự án trên. Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty còn có thêm các khoản phải trả vốn ngân sách Nhà nước 20.775 triệu đồng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Sau hai năm TRAWACO hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đăng ký giao dịch Upcom, công tác quản lý cũng như điều hành hoạt động của Công ty đã dần đi vào quỹ đạo. Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, Điều lệ tổ chức hoạt động công ty dần được hoàn thiện, tạo được nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh.



Hoạt động của các phòng ban Kế hoạch và Bộ phận nghiên cứu phát triển dần được ổn định; mỗi phòng ban, bộ phận đều được phân chia mục đích, nhiệm vụ và chức năng rõ ràng theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ.



Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, Công ty lựa chọn nguồn lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, không có tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho công ty, TRAWACO cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Thông qua việc phân tích về tình hình phát triển của thị trường tiêu thụ, năng lực sản xuất của Công ty cũng như những dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh 2019/2018(%)
1	Nước sản xuất	m3	11.931.078	12.734.760	106,7
2	Nước tiêu thụ	m3	10.623.941	11.145.000	104,90%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	91.618	96.870	105,73%
	Doanh thu Nước máy	Triệu đồng	83.771	87.120	104,0%
	Doanh thu Xây lắp	Triệu đồng	1.446	1.500	103,8%
	Doanh thu Thoát nước	Triệu đồng	5.661	7.500	132,5%
	Doanh thu KD	Triệu đồng	155	150	96,8%
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	213	200	93,9%
	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	Triệu đồng	373	400	107,2%
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	77.634	82.491	106,26%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.984	14.379	102,82%
6	Thuế TNDN	Triệu đồng	2.828	2.875,8	101,69%
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.156	11.503,2	103,11%
8	Thu nhập bình quân người lao động/tháng.	Đồng		>7.500.000 đồng/tháng	

Kế hoạch đầu tư 2019

Phát triển mạng lưới: Tổng chiều dài: 51,45 km, tổng giá trị ước tính khoảng 23.271.519.000 đồng, trong đó:

- Tuyến ống PE D63: 18.590 mét.
- Tuyến ống PE D90: 5.430 mét.
- Tuyến ống PE D110: 9.100 mét.
- Tuyến ống PE D200: 5.430 mét.
- Tuyến ống PE D90: 6.000 mét.
- Tuyến ống PE D280: 1.116 mét.
- Tuyến ống PVC D90: 7.450 mét.
- Tuyến ống PVC D114: 3.610 mét.
- Tuyến ống PVC D200: 150 mét.



Phát triển khách hàng:

Tổng số 3.600 hộ với tổng giá trị ước tính khoảng 6.120.000.000 đồng. Trong đó:

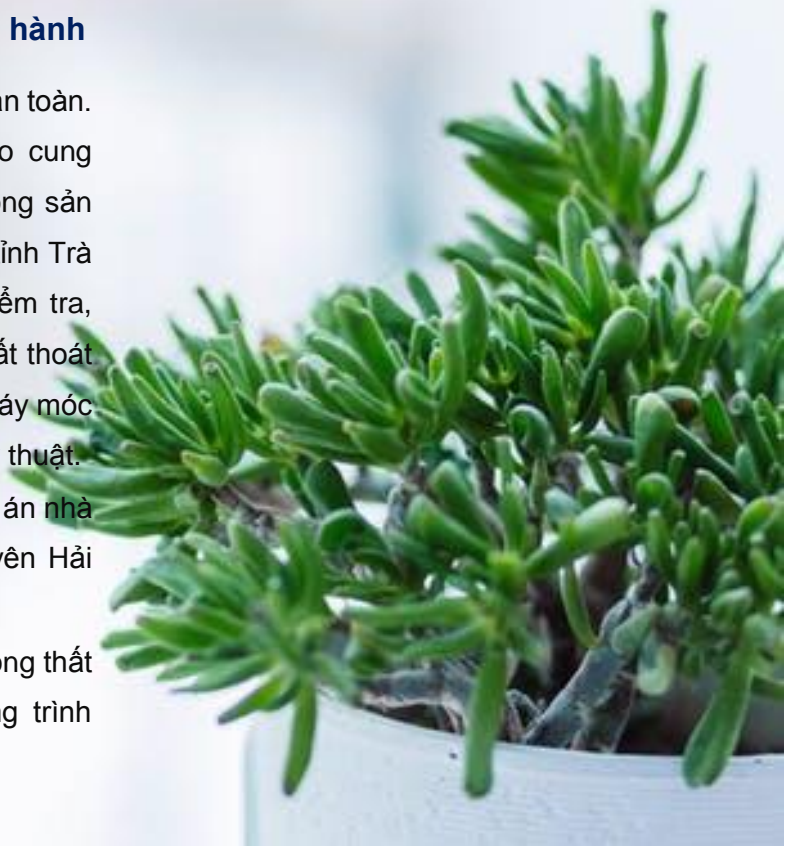
- Khu vực Tp. Trà Vinh và huyện Châu Thành: 2.500 hộ.
- Khu vực các huyện, thị trấn: 1.100 hộ.



Các biện pháp thực hiện

Công tác lãnh đạo, quản lý điều hành

- Triển khai thực hiện cấp nước an toàn. Tập trung nguồn lực đảm bảo cung cấp nước ổn định cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tăng cường công tác kiểm tra, bảo trì, góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước. Thực hiện bảo dưỡng máy móc định kỳ, xử lý kịp thời các lỗi kỹ thuật.
- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án nhà máy cung cấp nước sạch Duyên Hải và Tiểu Cần – Cầu Quan.
- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát nước. Triển khai chương trình quản lý mạng lưới cấp nước.



Công tác khoa học kỹ thuật và nghiên cứu phát triển

Ứng dụng công nghệ, máy móc hiện đại trong hoạt động sản xuất cũng như quản lý. Đây là yếu tố then chốt giúp TRAWACO tiếp tục phát triển một cách bền vững trong môi trường đòi hỏi công nghệ hóa, hiện đại hóa như hiện nay.





Công tác quản lý nguồn nhân lực

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách tuyển dụng để tìm được nguồn nhân lực có chất lượng cho Công ty.
- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình.
- Xây dựng chính sách lương, thưởng hợp lý để tạo động lực cho người lao động phấn đấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, đồng thời góp phần đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động của Công ty.



BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



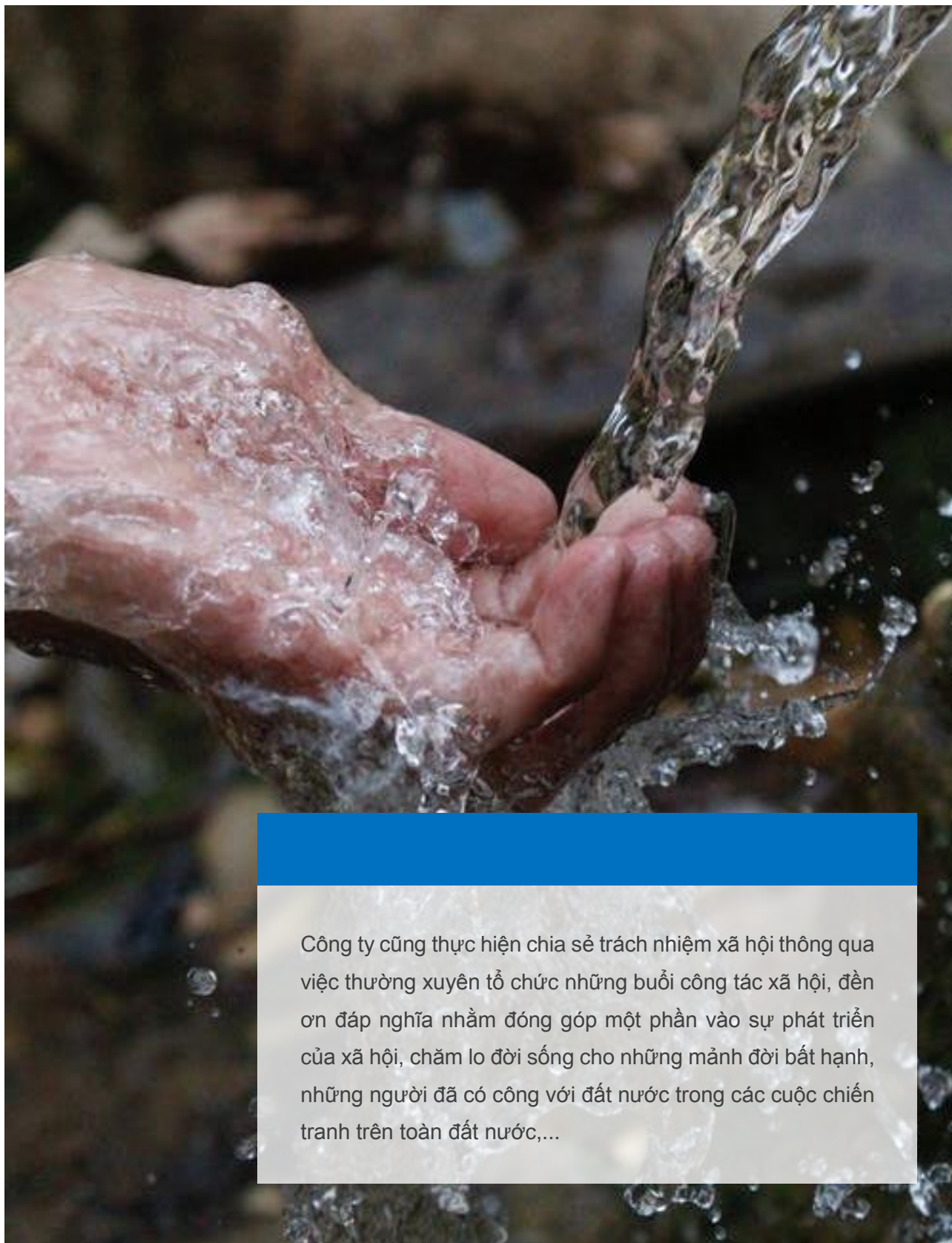
Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân, Công ty hiểu rõ và nêu cao trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến chất lượng sống của cộng đồng, trong đó có các vấn đề về môi trường.



Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải sinh hoạt và sản xuất luôn được kiểm soát để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại gần như không đáng kể. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những quy định để xử lý những loại chất thải này. Các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư. Các chất thải nguy hại này đều được tập trung vào một chỗ tại Nhà máy để tìm đơn vị thu gom và xử lý.



Công ty cũng thực hiện chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua việc thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước trong các cuộc chiến tranh trên toàn đất nước,...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Về các mặt hoạt động của Công ty
- Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

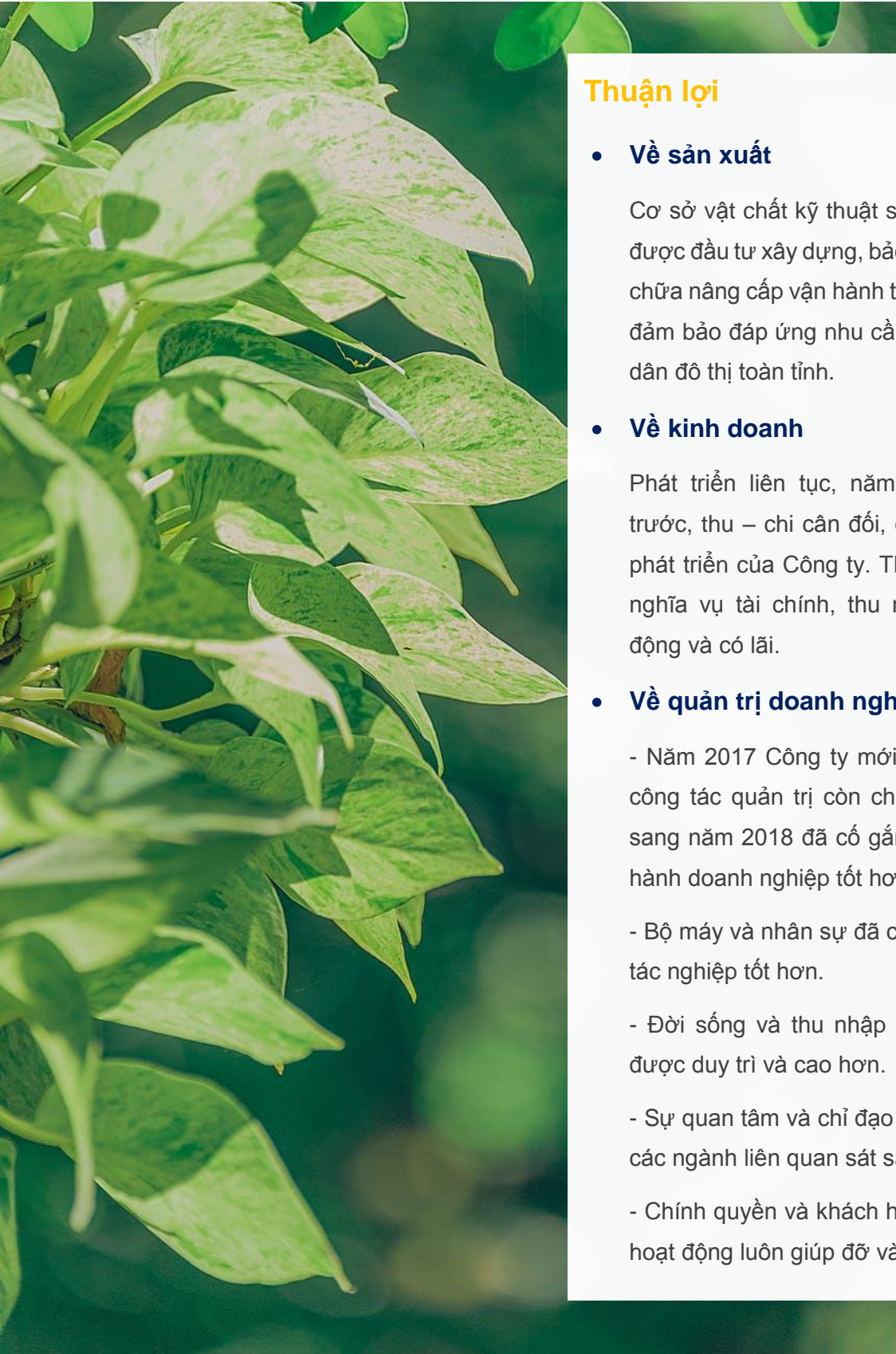
Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định và có xu hướng mở rộng qua các năm. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ không ngừng được cải thiện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Công tác chăm sóc khách hàng cũng được thực hiện tốt, duy trì được quan hệ hợp tác với khách hàng hiện tại, đồng thời mở rộng hoạt động tìm kiếm các khách hàng tiềm năng.

Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước, hệ thống xử lý nước cũng tiếp tục được triển khai theo đúng tiến độ. Các nhà máy sau khi đi vào hoạt động dự báo sẽ nâng cao năng lực sản xuất của Công ty, từ đó mở rộng quy mô hoạt động của TRAWACO trên địa bàn thành phố.

Hoạt động cổ phần hóa đã tạo làm đa dạng hóa cơ cấu chủ sở hữu công ty, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia vào công tác quản lý, đưa ra các đề xuất về định hướng, chiến lược nhằm giúp Công ty ngày càng phát triển.

Bộ máy quản lý của Công ty được bố trí gọn nhẹ thực sự là đại diện cho cổ đông. Mọi hoạt động của Công ty được tiến hành theo điều lệ và quy chế quản trị của Công ty. Quy chế quản lý tài chính, lao động, tuyển dụng được xây dựng ngày càng chặt chẽ, hoàn thiện hơn; Điều lệ Công ty xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông; Các bộ phận kinh doanh được tổ chức hợp lý. Công ty còn thực hiện xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty đã và đang tập trung nguồn lực mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, song song đó chú trọng chất lượng nước, từng bước ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý và sản xuất kinh doanh.



Thuận lợi

- **Về sản xuất**

Cơ sở vật chất kỹ thuật sản xuất của Công ty được đầu tư xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp vận hành tốt. Duy trì hoạt động, đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng nước của cư dân đô thị toàn tỉnh.

- **Về kinh doanh**

Phát triển liên tục, năm sau cao hơn năm trước, thu – chi cân đối, đáp ứng đủ yêu cầu phát triển của Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, thu nhập của người lao động và có lãi.

- **Về quản trị doanh nghiệp**

- Năm 2017 Công ty mới được cổ phần hóa, công tác quản trị còn chưa chặt chẽ, nhưng sang năm 2018 đã cố gắng vượt qua để điều hành doanh nghiệp tốt hơn.

- Bộ máy và nhân sự đã cố gắng điều hành và tác nghiệp tốt hơn.

- Đời sống và thu nhập của người lao động được duy trì và cao hơn.

- Sự quan tâm và chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và các ngành liên quan sát sao và hiệu quả.

- Chính quyền và khách hàng địa bàn Công ty hoạt động luôn giúp đỡ và hợp tác chặt chẽ.

Khó khăn

- **Về môi trường hoạt động**

Địa bàn trọng điểm, có tính quyết định đến toàn bộ hoạt động của Công ty là thành phố Trà Vinh đang gặp nhiều khó khăn lớn, đó là:

- Nguồn cung trước mắt và trung hạn đang thiếu hụt 20% - 50% so với yêu cầu.
- Hai chỉ tiêu chất lượng trong “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt” là sắt và độ cứng tổng cộng vượt mức cho phép.

- **Về kinh doanh:**

Đầu tư phát triển những năm trước ở nhà máy nước các huyện quá lớn, chưa sử dụng hết công suất dẫn đến các chi phí như khấu hao cao, không có lợi nhuận thậm chí lỗ lớn, gánh nặng trả nợ vay ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung.

- **Về quản trị doanh nghiệp**

- Mô hình quản lý doanh nghiệp cổ phần hóa chưa được vận dụng và điều hành chuyên nghiệp hiệu quả.
- Các văn bản quy chế, quy định còn thiếu, chưa đồng bộ hoặc chưa đúng Điều lệ.

- **Về tài chính**

- Nguồn trích khấu hao TSCĐ hàng năm tái đầu tư một phần còn phải trả tiền vay cho dự án xử lý chất lượng nước Tp Trà Vinh, dự án Cấp nước Duyên Hải, dự án Tiểu Cần - Cầu Quan và các khoản lãi vay khác trên 20 tỷ đồng cho mỗi năm đến 2026.

- Vốn đối ứng do ngân sách cấp cho các dự án cấp nước khi chuyển đổi sang Công ty Cổ phần phải hoàn trả cho Ngân sách là: 20,774 tỷ đồng.

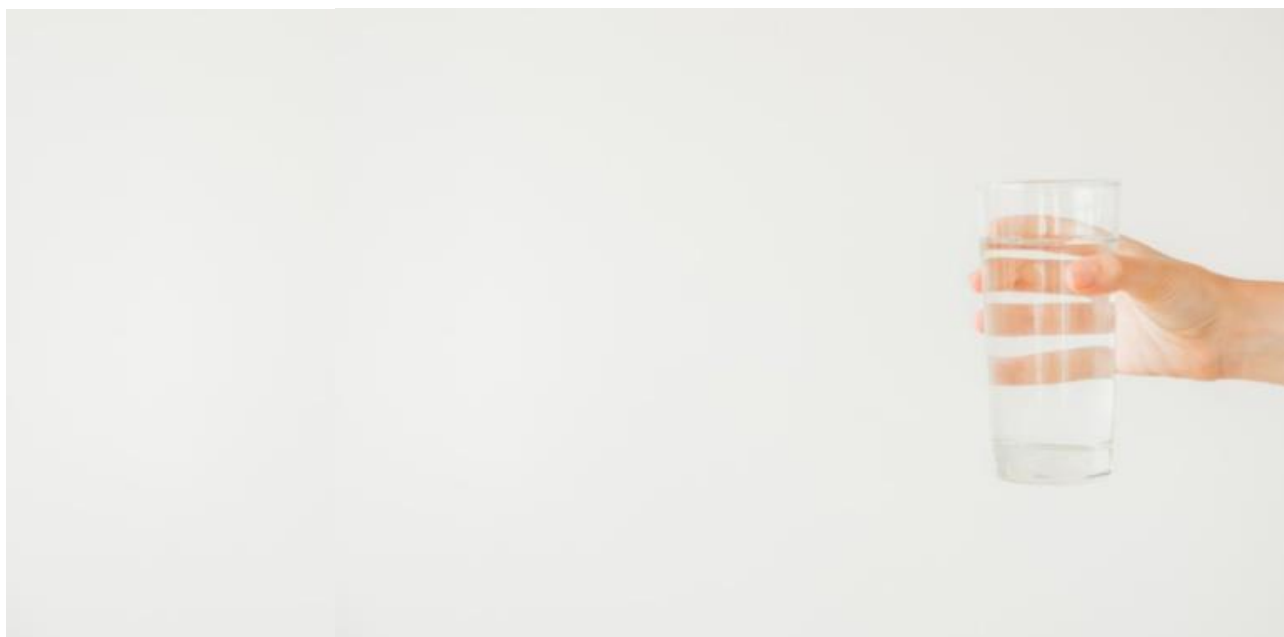
- Phải nộp phần chênh lệch tăng Vốn điều lệ tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần, mỗi năm 1 tỷ đồng theo kế hoạch đến năm 2023.

- Phải thanh toán cho các nhà thầu thực hiện các dự án Cấp nước Duyên Hải, dự án Tiểu Cần - Cầu Quan, Trà Cú, Cầu Kè đã nghiệm thu hoàn thành bàn giao là: 5,85 tỷ đồng

Bên cạnh những khó khăn đó Công ty còn phải chịu áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức và thưởng cho người lao động hàng năm, bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận, vẫn phải đảm bảo nguồn vốn tích lũy để trả nợ gốc, trả lãi vay ngân hàng, đảm bảo tiền lương cho người lao động.



VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Phó Tổng Giám đốc điều hành đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018
- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Định kỳ hàng Quý, 6 tháng Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về công tác đầu tư, mua sắm tài sản; tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty.

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật hiện hành.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thông qua đó, HĐQT đánh giá được trong năm 2018, BTGD thực hiện tốt các kế hoạch về sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. BTGD đã triển khai, điều hành các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, giúp TVW đạt được các kết quả đáng khích lệ như doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế đều vượt mức kế hoạch đã đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt 117,71% so với cùng kỳ năm 2017.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác giám sát tình hình điều hành Công ty BTGD. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng thống nhất việc chỉ đạo linh hoạt, hợp lý, cho phép các ý kiến chủ động sáng tạo của người điều hành nếu nhận thấy sự hợp lý và giá trị mà các phương pháp đó mang lại.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So sánh 2019/2018(%)
1	Nước sản xuất	m3	11.931.078	12.734.760	106,74%
2	Nước tiêu thụ	m3	10.623.941	11.145.000	104,90%
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	91.618	96.870	105,73%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.156	11.503,2	103,11%

Các biện pháp hoàn thành kế hoạch

HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty trong năm 2019 như sau:

- **Công tác quản trị**

- ✓ Phương châm hoạt động năm 2019 là: “Phối hợp – Hành động – Sáng tạo – Khoa học – Kỹ cương và Hiệu quả”, cần được giải thích, quán triệt và vận dụng linh hoạt, cụ thể trong mọi cấp chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp quản lý và đến từng người lao động vì mục tiêu cao nhất là hoàn thành kế hoạch 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua, đưa Công ty phát triển cao hơn.
- ✓ Tăng cường công tác kiểm tra, tiếp tục nâng cao vai trò năng lực quản lý tài chính, đảm bảo tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả và phát triển nguồn vốn, tăng cường công tác giám sát, quản lý công nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản trị, điều hành thông qua việc xây dựng lại và ban hành các Quy chế, quy định. Xây dựng và ban hành bộ định mức đối với hoạt động Chi nhánh xây lắp – dịch vụ, các chi nhánh cấp nước và sản xuất nước sạch,... Đưa vào sử dụng hình thức khoán chi phí đến từng bộ phận, trả lương theo năng suất và hiệu quả công việc.
- ✓ Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy định khác của pháp luật.
- ✓ Chỉ đạo điều hành, tái cơ cấu toàn diện Công ty với phương châm tinh gọn về tổ chức bộ máy nhân sự, hiệu quả trong điều hành tập trung và các hoạt động cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nước sạch, mở rộng đầu tư hoặc hợp tác đầu tư ở những lĩnh vực cho phép.

- **Về khách hàng**

Đẩy mạnh các hoạt động đấu thầu nhằm tìm kiếm, mở rộng thị phần. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu. Phấn đấu đạt tỷ lệ hộ dân cấp nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, tập trung cấp nước an toàn, đầu tư có chiều sâu, giảm tỷ lệ thất thoát nước, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của tất cả các khách hàng trên địa bàn tỉnh.

- **Về khoa học công nghệ**

Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong công tác cung cấp nước nhằm tiết giảm chi phí và tạo ra nhiều doanh thu, lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

- **Về đầu tư**

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng nước và tăng cường công tác dịch vụ khách hàng, mở rộng mạng lưới khách hàng.

- **Về tài chính**

Quản lý vốn đầu tư theo hướng trách nhiệm hiệu quả, luôn đảm bảo dòng tiền ổn định cho hoạt động kinh doanh. Tập trung tiết kiệm chống lãng phí, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

- **Về kỹ thuật**

Công ty không ngừng tăng cường hỗ trợ kiểm tra quản lý mạng, điều tiết áp lực, lưu lượng, tiếp tục ứng dụng khoa học công nghệ đầu tư ứng dụng công nghệ tự động hóa giảm chi phí nhân công trực tiếp tăng hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Đầu tư trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực cho công tác chống thất thoát nước sạch nhằm giảm thất thoát toàn bộ hệ thống cấp nước, đặc biệt xác định đúng nhu cầu về áp lực, lưu lượng từng tuyến ống để điều phối hợp lý.

- **Về nguồn nhân lực**

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao và nhiệt huyết trong công việc, có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự để bổ sung kịp thời theo yêu cầu của hoạt động SXKD của Công ty. Tuyên truyền, nâng cao ý thức kỷ luật lao động, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm nhằm quản lý tốt chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra, HĐQT tiếp tục thực hiện triển khai theo yêu cầu thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 4282/UBND-KT ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh chuyển nhượng 2.677.030 cổ phần tương ứng 18,34%/Vốn điều lệ theo quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	07/12/2016	06/06	100%	
2	Ông Nguyễn Như Bình	Thành viên HĐQT điều hành (Miễn nhiệm)	28/06/2018	00/03	0%	Do bệnh
3	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT điều hành	07/12/2016	06/06	100%	
4	Ông Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT điều hành	07/12/2016	06/06	100%	
5	Ông Huỳnh Văn Nhàn	Thành viên HĐQT không điều hành	07/12/2016	06/06	100%	
6	Ông Phạm Hữu Ba	Thành viên HĐQT không điều hành	28/06/2018	03/03	100%	Được bầu bổ sung ngày 28/06/2018

Những thay đổi trong năm của Hội đồng quản trị

Theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Như Bình (theo đơn xin từ nhiệm)
- Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là Ông Phạm Hữu Ba.

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Văn Quý - Thành viên HĐQT điều hành: Xem lại phần Lý lịch Ban điều hành trang 31.
- Ông Trương Hoàng Diệp -Thành viên HĐQT điều hành: Xem lại phần Lý lịch Ban điều hành trang 32.



Ông Trương Công Chiếm - Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh	21/09/1964
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ 05/1984 - 09/1989: Nhân viên tại ban Nông nghiệp TX Trà Vinh.</p> <p>Từ 01/1990 - 09/1992: Tổ trưởng tổ thuế nông nghiệp Chi cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 10/1992 - 07/1995: Sinh viên Trường Đại học Tài chính TPHCM.</p> <p>Từ 07/1995 - 05/1996: Kiểm soát viên phòng thuế Nông nghiệp Cục thuế tỉnh Trà Vinh.</p> <p>Từ 06/1996 - 09/1997: Phó phòng tại Phòng thuế NN cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 10/1997 - 10/1998: Trưởng phòng tại Phòng thuế NN cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 10/1998 - 01/2003: Trưởng phòng tại Phòng thu quốc doanh Cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 02/2003 - 03/2006: Trưởng phòng tại Phòng Quản lý doanh nghiệp Cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 04/2006 - 06/2007: Chi cục trưởng tại Chi cục thuế Cầu Ngang.</p> <p>Từ 07/2007 - 03/2008: Trưởng phòng tại Phòng thanh tra Cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 04/2008 - 02/2010: Trưởng phòng tại Phòng Quản lý nợ Cục thuế Trà Vinh.</p> <p>Từ 03/2010 - 11/2016: Phó Giám đốc tại Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh.</p> <p>Từ 12/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Chủ tịch HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ	5.255.985 cổ phần, tương đương 36,00% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	5.255.985 cổ phần, tương đương 36,00% VĐL. (đại diện cho UBND tỉnh Trà Vinh)
➤ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00 % VĐL.

Ông Huỳnh Văn Nhân - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	15/12/1966
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ 02/1995 - 04/1996: Phó Quản đốc tại Xí nghiệp Nhựa Tân Tiến.</p> <p>Từ 05/1996 - 05/1997: Trưởng ban kế hoạch tại Công ty SXKD XNK nhựa Tân Tiến.</p> <p>Từ 06/1997 - 07/2001: Phó Giám đốc tại Xí nghiệp Nhựa Tân Tiến.</p> <p>Từ 07/2001 - 09/2002: Phó Giám đốc tại Công ty SXKD XNK Nhựa Tân Tiến.</p> <p>Từ 10/2002 - 05/2006: Phó Giám đốc Thường trực tại Công ty CP Nhựa Tân Tiến.</p> <p>Từ 06/2006 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty CP Nhựa Tân Tiến.</p> <p>Từ 12/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Khánh An.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp thoát Nước và Xây dựng Đức Trọng.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Đông Hải.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Duyên Hải.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cửu Long.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Bình Tân.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Cần Đước.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công Trình Đô thị Cần Giuộc.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Thạnh Lộc Kiên Giang.▪ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nước và Môi trường Quốc Việt.
Số CP nắm giữ	1.459.854 cổ phần, tương đương 10,00% VDL.
➤ Đại diện sở hữu	1.459.854 cổ phần, tương đương 10,00% VDL. (đại diện cho Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng)
➤ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, tương đương 0,00% VDL.

Ông Phạm Hữu Ba – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	17/05/1960
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng – Chuyên ngành Cấp thoát nước
Quá trình công tác	<p>Từ năm 1981 - 1985: Cán bộ kỹ thuật tại xí nghiệp gạch Thái Bình, Cửu Long.</p> <p>Từ năm 1986 – 1988: Quản đốc phân xưởng II tại xí nghiệp gạch Thái Bình, Cửu Long.</p> <p>Năm 1989: Phó quản đốc phân xưởng tại xí nghiệp cơ khí xây dựng, thuộc Sở xây dựng Cửu Long.</p> <p>Năm 1990: Quản đốc phân xưởng tại xí nghiệp cơ khí xây dựng, thuộc Sở xây dựng Cửu Long.</p> <p>Từ năm 1990 – 1992: Đội phó đội xây lắp tại Công ty Công trình đô thị Cửu Long.</p> <p>Từ năm 1992 – 1994: Đội trưởng đội xây lắp tại Công ty Công trình đô thị Trà Vinh (sau đổi thành Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh).</p> <p>Từ năm 1995 – 1996: Phó giám đốc xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ 1996 - 2010: Giám đốc xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đổi tên thành Công ty TNHH TV Cấp thoát nước Trà Vinh).</p> <p>Từ năm 2011 - 2016: Giám đốc xí nghiệp xây lắp tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Năm 2016: Giám đốc chi nhánh Xây lắp – dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ năm 2017 – 05/2018: Giám đốc chi nhánh Cấp nước Cầu Ngang – Trà Cú tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p> <p>Từ 06/2018 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tại Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên HĐQT
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">▪ Ủy viên BCH đảng ủy công ty, Bí thư chi bộ I.▪ Ủy viên BCH công đoàn công ty.
Số CP nắm giữ tại ngày 26/07/2018	2.300 cổ phần, tương đương 0,016% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Cá nhân sở hữu:	2.300 cổ phần, tương đương 0,016% VĐL.

Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	02/02/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất chủ trương quy hoạch tổng thể cho Khu 1, khu 2 và khu 3. Giao đồng chí Trương Hoàng Diệp Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện trong quý I/2018. 2. Thống nhất chủ trương đầu tư phát triển mạng lưới phân phối năm 2018 theo kế hoạch của phòng kế hoạch-kinh doanh lập ngày 24/01/2018 giá trị đầu tư 10 tỷ đồng từ nguồn vốn tự có và vốn vay. 3. Tiến độ xúc rửa đường ống cấp nước thực hiện theo kế hoạch. 4. Thực hiện các thủ tục đầu tư dự án xử lý nước 18.000m³.Giao đồng chí Trương Hoàng Diệp Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc quan hệ với đơn vị tư vấn để hoàn thành các thủ tục đầu tư. 5. Đồng ý cho mở cửa hàng bán vật tư chuyên ngành nước cho Thành phố Trà Vinh và các chi nhánh cấp nước trong tỉnh. 6. Đồng ý chủ trương vay vốn cho đầu tư khu xử lý chất lượng nước. 7. Đồng ý mua 02 cây mai trung tết nguyên đán 2018 tại Công ty. 8. Đồng ý đầu tư mua 02 xe đào phục vụ thi công 9. Thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Như Bình theo đơn từ nhiệm và trình qua Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu quyết. 10.Đồng ý cho người quản lý lao động, người lao động khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại TP HCM, giao Phó Tổng giám đốc điều hành tổ chức thực hiện. 11. Báo cáo thực hiện kế hoạch năm 2017 lấy theo các chi tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15/11/2016. 12. Đồng ý cho xuất thanh lý vật tư tồn kho kém phẩm chất theo biên bản kiểm kê cuối năm 2017 giá trị là 536.267.723đồng, được hạch toán vào chi phí năm 2017 và bán thu hồi phế liệu. 13. Đồng ý hỗ trợ chính sách an sinh xã hội cho phường xã, thị trấn có đóng góp lợi ích cho Công ty mức chi cụ thể từng đơn vị do Tổng giám đốc xét duyệt được hạch toán vào chi phí Công ty. 14. Bổ sung vào quy chế chi tiêu nội bộ mức khoán tiền cộng tác viên khảo sát và nghiệm thu khối lượng nạo vét cống hàng năm và bổ sung tại điều 4 của quy chế này mức khoán tiền thuê phòng nghỉ nơi công tác cho người lao động. 15. Kế hoạch năm 2018 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên giao Phó Tổng giám đốc điều hành thực hiện. 16. Lập kế hoạch tiền lương cho năm 2018 giao Phó Tổng giám đốc điều hành thực hiện. 17. Đồng ý tiền phạt nộp chậm tiền phí bảo vệ môi trường từ 1/2017 đến 6/2017 là 144.668.253 đồng được hạch toán vào chi phí sau thuế năm 2017

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	02/02/2018	<p>18. Phần kiến nghị xử lý theo kết luận Thanh tra số 01/KL-TTr ngày 22/1/2018 giao Phó Tổng giám đốc điều hành chỉ đạo thực hiện theo nguyên tắc tài chính. Theo biên bản làm việc giữa Thanh tra tỉnh với Công ty ngày 30/01/2018 đồng ý chuyển số tiền 491.338.850 đồng mà Công ty còn phải trả cho Công ty Nước ngầm II vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh vì theo thanh tra tỉnh đã làm việc với Công ty Nước ngầm II, bên công ty Nước ngầm II khẳng định giữa 2 Công ty không còn nợ. Nhưng đến ngày 01/02/2018 Công ty đã nhận được giấy báo xác nhận nợ của Công ty Nước ngầm II là Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh vẫn còn nợ số tiền trên. Nên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh không xử lý được số tiền trên theo đề nghị của Thanh tra tỉnh.</p>
2	13/NQ-HĐQT	26/04/2018	<p>1. Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng khu xử lý chất lượng nước mặt.</p> <p>2. Thống nhất theo đề xuất của Phó Tổng giám đốc điều hành sáp nhập phòng kỹ thuật và phòng kế hoạch - kinh doanh đổi tên thành phòng kế hoạch - kỹ thuật Thời gian thực hiện trong 06/2018.</p> <p>3. Thống nhất luân chuyển ông Nguyễn Văn Sơn Giám đốc Chi nhánh Xây Lắp - Dịch Vụ về nhận nhiệm vụ Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính thay bà Lê Phương Thảo thời gian đầu tháng 05/2018.</p> <p>4. Thống nhất điều bà Lê Phương Thảo nhận nhiệm vụ mới làm Phó Tiểu ban thường trực giúp việc cho Hội đồng quản trị thời gian đầu tháng 05/2018 mức lương và các chế độ khác hưởng tương đương chức danh Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.</p> <p>5. Thống nhất luân chuyển thời gian chậm nhất 30/6/2018, Phó Tổng giám đốc phải có kế hoạch luân chuyển được HĐQT phê duyệt gồm các ông (bà) có tên sau đây:</p> <p>5.1 Ông Phạm Hữu Ba Giám đốc Chi nhánh Cầu Ngang - Trà Cú về nhận nhiệm vụ Trưởng phòng kế hoạch - kỹ thuật.</p> <p>5.2 Ông Vũ Hồng Điệp Trưởng phòng kỹ thuật về nhận nhiệm vụ Giám đốc Chi nhánh Cầu Ngang - Trà Cú.</p> <p>5.3 Ông Mạc Tấn Lâm Giám đốc Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè về nhận nhiệm vụ Giám đốc Chi nhánh Xây Lắp - Dịch Vụ.</p> <p>5.4 Ông Phan Huỳnh Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh về nhận nhiệm vụ Giám đốc Chi nhánh Tiểu Cần - Cầu Kè.</p> <p>5.5 Đồng ý cho Ban Tổng giám đốc điều động nhân sự để phân công nhiệm vụ kế toán tại các chi nhánh, Xí nghiệp.</p> <p>6. Đồng ý giải thể Hội đồng khoa học kỹ thuật và thành lập tổ tư vấn kỹ thuật. Phục vụ cho Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thống nhất thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ tổ chức trong quý II/2018, chương trình Đại hội giao Phó Tổng giám đốc điều hành chỉ đạo thực hiện.</p>

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	26/04/2018	<p>8. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như tờ trình số 136/TTr-CTN ngày 24/4/2018 của Phó Tổng giám đốc điều hành để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p> <p>9. Thống nhất bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị đối với ông Đào Thiện Duyên và bổ nhiệm bà Đặng Thị Bích Thủy nhận nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/5/2018.</p> <p>10. Thống nhất thu hồi quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2017 về việc cử Ông Trương Công Chiếm là đại diện và ra quyết định mới cho ông Nguyễn Văn Quý làm đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải.</p> <p>11. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện công tác bán cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Công ty bao gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông Trương Công Chiếm: Thành viên HĐQT- Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Văn Quý: Thành viên HĐQT- Phó TGD điều hành - Ông Trương Hoàng Diệp: Thành viên HĐQT- Phó TGD - Ông Từ Chung Lộc: Đại diện Sở kế hoạch & đầu tư <p>13. Thống nhất cử ông Nguyễn Văn Quý Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc điều hành làm người đại diện pháp luật trong thời gian đến ban hành điều lệ mới của Công ty.</p> <p>14. Đồng ý chi trang phục cho người quản lý và người lao động bộ phận gián tiếp, Ban tổng giám đốc các Chi nhánh, xí nghiệp và toàn bộ lao động nữ được cấp bằng tiền mặt là 3.000.000 đồng/ người. Đối với người lao động trực tiếp có chức danh Tổ trưởng, Trạm trưởng được cấp bằng 50% của bộ phận gián tiếp.</p> <p>15. Thống nhất chi tiền lễ 30/4 và 01/5 năm 2018 cho Người quản lý và người lao động trong Công ty là 1.500.000 đồng/người. (Đưa vào chi phí Công ty là 1.000.000 đồng, quỹ phúc lợi 500.000 đồng)</p> <p>16. Thống nhất chủ trương hợp đồng mua bảo hiểm cháy nổ Tài sản cố định của Công ty hàng năm. Riêng năm 2018 hợp đồng từ ngày 01/5/2018.</p> <p>17. Thống nhất chọn bà Nguyễn Thị Khỏe để bầu bổ sung vào Ban kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</p>

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
2	13/NQ-HĐQT	15/06/2019	<p>18. Chính sửa bổ sung điều 5 của Quy chế chi tiêu nội bộ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức tiền ăn ca cho người quản lý và người lao động trong Công ty có thời gian làm việc đủ 8 giờ trong ngày theo bảng chấm công là 30.000 đồng/ca - Để khuyến khích nhân viên ghi chỉ đồng hồ nước và thu tiền sử dụng nước tại thành phố Trà Vinh hạn chế hóa đơn tồn đến mức tối đa như sau. <ul style="list-style-type: none"> + Công việc ghi chỉ số đồng hồ định mức giao khoán là 1.250 hộ, từ trên 1hộ đến 120 hộ được hưởng tăng thêm là 1.100đồng/ hộ. Từ hộ thứ 121 trở lên thì được hưởng tăng thêm là 1.600 đồng/hộ. + Công việc thu tiền sử dụng nước định mức giao khoán là 1.150 hộ, từ trên 1 hộ đến 120 hộ được hưởng tăng thêm là 1.100 đồng/hộ. Từ hộ thứ 121 trở lên thì được hưởng tăng thêm là 2.000đồng/hộ. Thời gian thu trong 07 ngày phải đạt 50% số hóa đơn phát hành, 10 ngày tiếp theo phải thu đạt mức trên 96% số hóa đơn phát hành. <p>Mức khoán này được áp dụng từ tháng 4/2018</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chi hỗ trợ tiền trực lễ, tết cho người quản lý và người lao động: 200.000đồng/ngày trực. <p>19. Quyết định số 06/QĐ-CTN ngày 12/3/2018 của Ban Tổng giám đốc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ cho Chi nhánh Tiểu Cần-Cầu Kè và các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc giao cho Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc xem xét ban hành đúng theo quy định.</p> <p>20. Thống nhất kế hoạch tiền lương và quyết toán tiền lương thực hiện của người quản lý và người lao động năm 2017, theo tờ trình của Ban Tổng giám đốc.</p> <p>21. Công tác quy hoạch chức danh Phó Tổng giám đốc, Trưởng, phó các phòng ban, Giám đốc, phó giám đốc các Chi nhánh, xí nghiệp; Hội đồng quản trị sẽ bỏ phiếu phiên họp này. Ông Ngô Nhật Ngân đồng ý ủy quyền để Ông Trương Công Chiếm Chủ tịch HĐQT lựa chọn và bỏ phiếu thay</p>
3	28/NQ-HĐQT	14/07/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017. 2. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2017 3. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 4. Tờ trình thông qua thù lao thành viên HĐQT, TV BKS không chuyên trách và Thư ký HĐQT năm 2018, cụ thể: <ol style="list-style-type: none"> 4.1 TV HĐQT không chuyên trách là: 4.500.000đồng/ tháng 4.2 TV ban kiểm soát không chuyên trách là: 3.000.000đồng/tháng 4.3 Thư ký HĐQT là: 3.500.000đồng/tháng

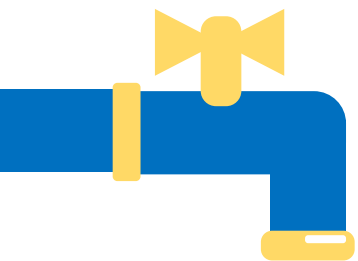
STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
3	28/NQ-HĐQT	14/07/2018	<p>5. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS.</p> <p>6. Tờ trình thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty</p> <p>7. Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</p> <p>8. Báo cáo của HĐQT về việc quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2017.</p> <p>9. Thống nhất chủ trương tổ chức cho người quản lý lao động và người lao động trong công ty đi tham quan du lịch trước ngày 10 tháng 08 năm 2018. Giao Công đoàn Công ty đề xuất địa điểm và nguồn kinh phí báo cáo Chủ tịch HĐQT quyết định.</p> <p>10. Thống nhất trả thù lao cho thành viên HĐQT không chuyên trách là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2018. Mức chi là 4.500.000 đồng/tháng.</p> <p>11. Đồng ý hỗ trợ nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết theo đề nghị số 07, 08, 09/ĐN-CĐCS của BCH Công đoàn Công ty ngày 09/05/2018. Trong đó hỗ trợ Mẹ VNAH 20 triệu đồng từ nguồn Quỹ Phúc lợi; hỗ trợ Người lao động trong Công ty 60 triệu đồng đưa vào chi phí của Công ty và loại trừ khi tính thuế TNDN.</p> <p>12. Chấp thuận theo tờ trình số 231/TTr-CTN ngày 07/06/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành về việc bổ nhiệm bà Đặng Thị Bích Thủy chức danh Phó Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, thời gian kể từ ngày 01/06/2018. Giao Phó Tổng Giám đốc điều hành, ban hành quyết định bổ nhiệm.</p> <p>13. Thống nhất theo đề xuất của Phó Tổng Giám đốc điều hành về việc làm quy trình bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Duy – Phó Giám đốc Xí nghiệp cấp nước giữ chức danh Giám đốc Xí nghiệp cấp nước.</p> <p>Thống nhất tạm ngưng dự án đầu tư Khu xử lý chất lượng nước 18.000m³ nhưng vẫn phê duyệt hồ sơ tư vấn thiết kế bản vẽ thi công dự toán để có cơ sở thanh toán tiền cho đơn vị tư vấn thiết kế; đơn vị thẩm định và đơn vị thẩm tra.</p>
4	43/NQ-HĐQT	14/07/2018	<p>Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2017 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ: 1,6%/mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 160 đồng) - Hình thức chi trả: Tiền mặt - Thời gian chi trả: Quý IV/2018 <p>14. Số tiền còn lại để chi trả cổ tức năm 2017 là 10.487.896 đồng. Công ty sẽ tiến hành gửi công văn xin ý kiến Ủy ban chứng khoán nhà nước về cách thức chi trả khoản cổ tức còn lại này.</p>

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
5	44/NQ-HĐQT	14/07/2018	<p>1. Thống nhất Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm 2018, kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018 và thực hiện văn phòng điện tử. Riêng Sử dụng hóa đơn tiền nước điện tử Ban điều hành phải có đề án cụ thể trình Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Đồng ý bổ sung vào kế hoạch đầu tư 6 tháng đầu năm 2018:</p> <p>a) Thi công tuyến ống đường Mậu Thân – Châu Thành (Quán Ngọc Thụy). Giá trị dự toán khoảng 750 triệu đồng.</p> <p>b) Tuyến ống đường Phú Hòa xã Long Đức. Giá trị dự toán khoảng 212 triệu đồng.</p> <p>c) Tuyến ống Tỉnh Lộ 913 (Duyên Hải) Giá trị dự toán khoảng 700 triệu đồng.</p> <p>d) Thiết kế xúc rửa đường ống Giai đoạn II. Riêng đối với ống D63: Xả cặn, xúc rửa, lắp van xả cặn, thay thế van hư, di dời van đến vị trí thích hợp. Tiến hành thi công và quyết toán theo thực tế.</p> <p>e) Xây dựng bể chứa nước Cầu Kè (giai đoạn II). Khi có dự án, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>f) Theo Nghị quyết số 13 ngày 26/04/2018 và các văn bản liên quan về việc Đầu tư xử lý nguồn nước mặt 15.000 m3/ngày đêm, tại vị trí số 1 là kênh Tâm Phương, nhưng hiện nay không còn phù hợp. Do đó Hội đồng quản trị thống nhất chọn lại vị trí nguồn nước mặt để xây dựng nhà máy nước công suất 10.000 m3/ngày đêm tại sông Láng Thè và cho thuê đơn vị tư vấn thực hiện trước đồng thời phải thực hiện các bước theo quy trình của Dự án.</p> <p>4. Thống nhất cho thực hiện công việc:</p> <p>a) Sửa chữa, thay thế thiết bị điện của trạm bơm giếng số 1, số 2 - Chi nhánh cấp nước Duyên Hải. Giá trị khoảng 120 triệu</p> <p>b) Sửa chữa biến tần nhà máy nước Cầu Ngang. Giá trị khoảng 125 triệu.</p> <p>c) Lắp biến tần trạm bơm cấp II Tp Trà Vinh - Xí nghiệp cấp nước - Giá trị khoảng 350 triệu.</p> <p>6. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 theo đề xuất của Ban Kiểm soát là Công ty TNHH Dịch vụ - Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt.</p> <p>7. Khi điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty được ban hành, giao Phó Tổng Giám đốc điều hành và Tiểu ban Tổng hợp giúp việc cho Hội đồng quản trị chỉ đạo các bộ phận có liên quan điều chỉnh các quy chế cho phù hợp. Đồng thời chỉ đạo các Chi nhánh xây dựng các quy chế quản lý để thông qua HĐQT.</p> <p>8. Thống nhất cho mua sắm: Xe tải cầu mới từ 4-5 tấn và Téc nước 4 m3 bằng nguồn vốn tự có hoặc vốn vay.</p> <p>9. Việc chậm nâng bậc lương cho công nhân giai đoạn của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, giao Ban điều hành xem xét từng trường hợp cụ thể và báo cáo Chủ tịch hội đồng quản trị. Đối với những trường hợp đủ điều kiện được thi tay nghề để nâng bậc lương nhưng vì lý do khách quan Công ty không tổ chức thi tay nghề được, thì thời gian bị chậm nâng bậc lương của giai đoạn Công ty TNHH MTV sẽ được cộng vào thời gian nâng bậc lương của Công ty Cổ phần. Giao Ban điều hành thực hiện chậm nhất tháng 08/2018.</p> <p>10. Việc chuẩn y chức danh Giám đốc Xí nghiệp cấp nước cho ông Nguyễn Thanh Duy, Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Ban điều hành thực hiện theo đúng quy trình.</p>

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
5	44/NQ-HĐQT	14/07/2018	10. Việc chuẩn y chức danh Giám đốc Xí nghiệp cấp nước cho ông Nguyễn Thanh Duy, Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Ban điều hành thực hiện theo đúng quy trình.
6	54/NQ-HĐQT	15/08/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 24/10/2017 (Điều 1 - khoản 3) 2. Tổ chức đấu thầu dự án với công suất xử lý là 18.000 m³/ ngày đêm 3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành đưa vào sử dụng: Trước tháng 01/2019 4. Phần Công nghệ: Lọc kín. Nếu đấu thầu này không thành công thì thực hiện theo thiết kế của Công ty Wase đã được phê duyệt. 5. Hình thức lựa chọn đấu thầu: EPC
7	73/NQ-HĐQT	31/10/2018	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thống nhất Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018, kế hoạch sản xuất kinh doanh - Quý IV năm 2018 và những kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc theo báo cáo. Cụ thể: <ol style="list-style-type: none"> a) Về nhân sự: Tăng 02 lao động gồm: 01 công nhân vận hành máy, 01 nhân viên xét nghiệm phục vụ cho phòng xét nghiệm đạt chuẩn để chuẩn bị nhận bàn giao từ Dự án thoát nước tại Tp Trà Vinh. b) Bổ sung vào kế hoạch đầu tư phát triển tuyến ống phân phối năm 2018, gồm: <ol style="list-style-type: none"> b1) Tuyến ống Tinh Lộ 913 (Duyên Hải): Đã có trong Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 14/07/2018, nhưng thiết kế lại ống D114 dài 5.000m cho phù hợp với nhu cầu phát triển. Giá trị dự toán khoảng 2,4 tỷ đồng. b2) Tuyến ống PE D90 Ngã Xuyên, Trà Cú dài 560m. Giá trị dự toán: 230.519.244 đồng. b3) Tuyến ống PE D63, TT Cầu Kè dài 690m. Giá trị dự toán: 158.964.387 đồng. b4) Tuyến ống PVC D114, TT Cầu Kè dài 100m. Giá trị dự toán: 52.805.301 đồng. b5) Tuyến ống PE D63, TT Cầu Quan dài 315m. Giá trị dự toán: 72.975.574 đồng. b6) Tuyến ống hẻm nhà ông Quyển (Chánh VPUB tỉnh) dài 130m. Giá trị dự toán khoảng 40 triệu đồng. b7) Tuyến ống PE D63 dài 390m, ống PE D32 dài 40m Chợ Cầu Ngang. Giá trị dự toán: 143.000.603 đồng. c) Về sửa chữa, cải tạo: <ol style="list-style-type: none"> c1) Sau khi gần biến tần Trạm bơm cấp II (theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 14/07/2018) thì thống nhất cho cải tạo lại hệ thống điện, theo hướng tiết kiệm điện năng, giá trị khái toán khoảng 150 triệu đồng. c2) Cải tạo hệ thống điện để đáp ứng nhu cầu khi đưa hệ thống xử lý chất lượng nước 18.000 m³/ngày đêm vào sử dụng (nâng công suất trạm biến áp, cải tạo đường dây điện). c3) Đầu tư hệ thống châm Clo tự động cho Nhà máy cấp nước Trà Vinh (cải tạo hệ thống cũ, nếu không cải tạo được thì đầu tư mới).

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
7	73/NQ-HĐQT	31/10/2018	<p>2. Thống nhất đầu tư khoan thêm 02 giếng ở Châu Thành để cung cấp nước cho khu vực Tp Trà Vinh và Thị trấn Châu Thành. Nhưng trước mắt chỉ khoan thêm 01 giếng. Giá trị khái toán khoảng 2,7 tỷ đồng. Thời gian đưa vào sử dụng trước ngày 15/02/2019.</p> <p>3. Thống nhất bán cổ phần mà Công ty đang góp vốn cổ phần (Công ty CP nước và Môi Trường Duyên Hải với tỷ lệ góp vốn là 20%, tương đương 3 tỷ đồng) nếu có tổ chức hoặc cá nhân đồng ý mua.</p> <p>4. Việc đầu tư dự án xây dựng nhà máy nước mặt, công suất 15.000 m³/ngày đêm, giao ông Nguyễn Văn Quý – Thành viên HĐQT, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn để xem xét phương thức đầu tư dự án này như thế nào (một trong 4 phương thức) cho phù hợp và phải thống nhất trong Ban Tổng Giám đốc để trình Chủ tịch HĐQT trước ngày 30/11/2018 để Chủ tịch HĐQT trình Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh.</p> <p>5. Thống nhất hỗ trợ kinh phí để xây dựng tháp sáng đèn đường Tỉnh lộ 912 khu vực ấp Đầu giồng A, xã Mỹ Chánh là 10.000.000 đồng, vì địa bàn này là nơi Công ty đang khai thác nước ngầm. Đưa vào chi phí của Công ty và loại trừ khi tính thuế TNDN</p> <p>6. Những vấn đề còn tồn tại sau kiểm điểm theo Kết luận của Thanh tra tỉnh Trà Vinh, giao cho Phó Tổng Giám đốc điều hành kết hợp các ban ngành xem xét xử lý.</p> <p>7. Vấn đề nhân sự:</p> <p>a) Chấp thuận việc ký hợp đồng một tài xế lái xe đào (theo tờ trình số 317a/TTr-CTN ngày 23/07/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>b) Chấp thuận việc ký hợp đồng nhân sự để làm nhiệm vụ tư vấn cho Ban Lãnh đạo Công ty (theo tờ trình số 404/TTr-CTN ngày 26/09/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>c) Thống nhất bổ nhiệm ông Trần Huỳnh Ngộ - chức danh Tổ phó Tổ Thoát nước (theo tờ trình số 412/TTr-CTN ngày 02/10/2018 của Phó Tổng Giám đốc điều hành).</p> <p>8. Đối với Quỹ tiền thưởng của người quản lý Công ty - Năm 2017: Thống nhất: Sau khi trừ số đã tạm chi cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT, chi cho 2 tập thể (theo Quyết định khen thưởng số 73/QĐ-CTN ngày 30/08/2018 của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh). Số còn lại chi đều cho 6 người quản lý chuyên trách của Công ty (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)</p>

STT	Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
8	01/QĐ-HĐQT	02/01/2018	Quyết định V/v cho thôi giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Như Bình
9	08/QĐ-HĐQT	31/01/2018	Quyết định V/v Thành lập Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật của Công ty
10	12/QĐ-HĐQT	19/03/2018	Quyết định V/v Thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật người lao động có hành vi sai phạm theo kết luận của Đoàn Thanh tra tỉnh Trà Vinh.
11	36a/QĐ-HĐQT; 36b/QĐ-HĐQT; 36c/QĐ-HĐQT; 36d/QĐ-HĐQT	27/04/2018	Quyết định V/v phê duyệt tổng Quỹ lương thực hiện của người quản lý, người lao động bộ phận cấp nước, người lao động bộ phận Thoát nước, người lao động bộ phận Xây lắp – Năm 2017.
12	60/QĐ-HĐQT	30/05/2018	Quyết định V/v phê duyệt danh sách các chức danh – Giai đoạn 2018-2023 của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
13	60a/QĐ-HĐQT	05/06/2018	Quyết định V/v Thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng của Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.
14	62/QĐ-HĐQT	03/07/2018	Quyết định V/v phê duyệt QC trả lương, nâng bậc lương cơ bản của người lao động.
15	63/QĐ-HĐQT	05/07/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
16	66/QĐ-HĐQT	17/07/2018	Quyết định V/v Thành lập Ban thực hiện công tác thoái vốn nhà nước.
17	67/QĐ-HĐQT	07/08/2018	Quyết định V/v Thành lập Hội đồng tiền lương của Công ty.
18	69/QĐ-HĐQT	19/09/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế Hội nghị người lao động.
19	Các Quyết định/văn bản khác phục vụ công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh năm 2019		



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng BKS	07/12/2016	03/03	100%	
3	Bà Trần Diệp Xuân	Thành viên BKS	07/12/2016	03/03	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên BKS	28/06/2018	02/02	100%	Được bầu bổ sung ngày 28/06/2018

Những thay đổi trong năm của Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh:

- Bầu bổ sung 01 thành viên BKS là Bà Nguyễn Thị Khỏe.



Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Ông Nghiêm Ngọc Tiên – Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	06/03/1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ 03/1985 – 09/1985: Kế toán trưởng tại Hợp tác xã mua bán phường 1, TX Trà Vinh.</p> <p>Từ 1996 - 1997: Trưởng Ban tài chính tại UBND phường 1, TX Trà Vinh.</p> <p>Từ 1998 - 2003: Phó phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Trà Vinh.</p> <p>Từ 2004-2010 : Trưởng phòng tại Phòng Tài chính - Kế hoạch TP Trà Vinh.</p> <p>Từ 2011-11/2016: Trưởng phòng Quản lý giá & Công sản tại Sở Tài chính Trà Vinh.</p> <p>Từ 12/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Trưởng Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ tại ngày 26/07/2018	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.

Bà Trần Diệp Xuân - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	24/03/1985
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ 2008 - 2012: Kế toán viên tại Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan.</p> <p>Từ 2013 đến nay: Kế toán Trưởng Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan.</p> <p>Từ 12/2016 đến nay: Thành viên Ban kiểm tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Kế toán Trưởng tại Công ty sản xuất vật tư ngành in Mỹ Lan.
Số CP nắm giữ tại ngày 26/07/2018	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.



Bà Nguyễn Thị Khỏe - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	1979
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương)
Quá trình công tác	<p>Từ tháng 01/2002 – 03/2002: Nhân viên Văn phòng Phòng kỹ thuật.</p> <p>Từ tháng 04/2002 – 12/2008: Kế toán Vật tư Phòng Tài vụ.</p> <p>Từ tháng 01/2009 – 08/2010: Kế toán Hóa đơn Phòng Kế hoạch – Kinh doanh.</p> <p>Từ tháng 09/2010 – 10/2011: Kế toán Hóa đơn Phòng Tài vụ.</p> <p>Từ tháng 11/2011 – 04/2014: Nhân viên Văn phòng Nhà máy nước.</p> <p>Từ tháng 05/2014 – 04/2016: Nhân viên Điều phối Xí nghiệp Xây lắp.</p> <p>Từ tháng 04/2016 đến nay: Nhân viên Văn phòng Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ.</p> <p>Từ ngày 28/06/2018: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Cấp thoát nước Trà Vinh.</p>
Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số CP nắm giữ tại ngày 26/07/2018	1.300 cổ phần, tương đương 0,0089% VĐL.
➤ Đại diện sở hữu	0 cổ phần, tương đương 0,00% VĐL.
➤ Cá nhân sở hữu:	1.300 cổ phần, tương đương 0,0089% VĐL.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ của mình và chấp hành đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty. Cụ thể:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan thực hiện.
- Cùng với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi, tham gia ý kiến nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của Cổ đông.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc xây dựng các quy định, quy chế quản trị Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm 2018, thẩm định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý lao động.
- Kiểm soát việc xây dựng phương án và phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của pháp luật.







CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Họ tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Ghi chú
Hội đồng quản trị					
Trương Công Chiếm	Chủ tịch HĐQT	467.313.246	26.000.000	-	
Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT điều hành	449.339.661	25.000.000	54.000.000	
Trương Hoàng Diệp	Thành viên HĐQT điều hành	395.418.902	22.000.000	54.000.000	
Huỳnh Văn Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	-	6.750.000	54.000.000	
Phạm Hữu Ba	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	27.000.000	
Ban kiểm soát					
Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng ban	395.418.902	22.000.000	-	
Trần Diệp Xuân	Thành viên	-	4.500.000	36.000.000	
Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên	-	-	18.000.000	
Ban điều hành					
Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng giám đốc điều hành	449.339.661	25.000.000	54.000.000	
Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng giám đốc	395.418.902	22.000.000	54.000.000	
Đào Thiện Duyên	Kế toán trưởng	359.471.729	20.000.000	-	



Giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ

Không có.

Hợp đồng/Giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/12/2016.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSĐC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Chiếm	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Như Bình	Thành viên	Đến ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	
Ông Trương Hoàng Diệp	Thành viên	
Ông Huỳnh Văn Nhân	Thành viên	
Ông Phạm Hữu Ba	Thành viên	Từ ngày 28/06/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Như Bình	Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/01/2018
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty từ 01/01/2018
Ông Trương Hoàng Diệp	Phó Tổng Giám đốc	

Ban kiểm soát

Ông Nghiêm Ngọc Tiên	Trưởng ban	
Bà Trần Diệp Xuân	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khỏe	Thành viên	Từ ngày 28/06/2018

3884.
CÔNG TY
GIẤY CHỨNG
NHẬN ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP
SỐ 2100119570
SỞ KẾ HOẠCH VÀ
ĐẦU TƯ TỈNH
TRÀ VINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 35 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



NGUYỄN VĂN QUÝ
Phó Tổng Giám đốc

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019





Số: 91 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh, được lập ngày 18/03/2019, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Nguyễn Minh Tiến

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số :
0547-2018-152-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Cao Thị Hồng Nga".

Cao Thị Hồng Nga

Chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0613-2018-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. Tài sản ngắn hạn	100		22.084.756.194	23.657.733.119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.146.168.905	4.963.426.489
1. Tiền	111	V.01	3.146.168.905	4.644.503.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	318.922.897
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.895.453.343	9.522.306.662
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	9.277.041.330	9.248.329.708
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	238.212.348	69.598.348
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	610.757.376	1.101.984.947
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(1.230.740.483)	(897.735.416)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		182.772	129.075
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	10.043.133.946	8.782.083.099
1. Hàng tồn kho	141		10.043.133.946	9.041.526.446
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(259.443.347)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	389.916.869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	225.794.691
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.13	-	164.122.178
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

5213
CÓN
CH NHƯ
CH VI
CHÍN
VÀ KẾ
NAN
7 - TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. Tài sản dài hạn	200		291.077.366.198	306.563.232.577
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		49.596.861	2.025.012.990
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.08	49.596.861	2.025.012.990
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
II. Tài sản cố định	220		272.808.791.031	282.533.930.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	269.786.113.069	279.412.532.170
- Nguyên giá	222		393.034.578.368	385.285.459.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.248.465.299)	(105.872.927.199)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.022.677.962	3.121.398.356
- Nguyên giá	228		3.399.241.994	3.399.241.994
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(376.564.032)	(277.843.638)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.097.338.481	6.725.812.550
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.097.338.481	6.725.812.550
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.121.639.825	12.278.476.511
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	11.121.639.825	12.278.476.511
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		313.162.122.392	330.220.965.696

884-C
CÔNG TY
TRAWACO
TRÀ VINH
KẾ TOÁN
VIỆT
HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. Nợ phải trả	300		150.417.618.804	174.041.733.106
I. Nợ ngắn hạn	310		61.242.014.478	67.187.129.565
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	2.015.879.090	2.775.207.314
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.14	1.694.707.000	2.238.916.539
4. Phải trả người lao động	314		4.604.373.374	7.450.065.033
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.248.748.009	7.662.305.228
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	30.696.215.385	29.560.837.194
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	15.940.000.000	16.740.000.000
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		42.091.620	759.798.257
II. Nợ dài hạn	330		89.175.604.326	106.854.603.541
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	213.683.934	195.110.299
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	88.961.920.392	106.659.493.242
D. Vốn chủ sở hữu	400		162.744.503.588	156.179.232.590
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	162.744.503.588	156.179.232.590
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.978.600.000	145.978.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.610.347.923	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.155.555.665	10.200.632.590
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.155.555.665	10.200.632.590
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		313.162.122.392	330.220.965.696

Người lập biểu



Lê Thị Thùy Trang

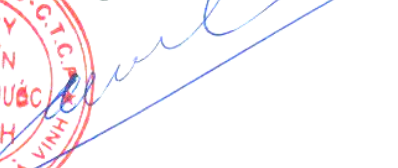
Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên



Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	91.244.765.634	83.482.281.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		91.244.765.634	83.482.281.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	52.222.440.798	48.738.297.462
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.022.324.836	34.743.983.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	23.297.078	324.029.342
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	889.133.455	1.053.396.288
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>889.133.455</i>	<i>1.053.396.288</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	9.970.999.872	9.213.655.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	12.603.734.628	12.352.697.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.581.753.959	12.448.263.226
11. Thu nhập khác	31	VI.07	350.131.067	192.813.848
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.948.338.217	134.155.128
13. Lợi nhuận khác	40		(1.598.207.150)	58.658.720
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.983.546.809	12.506.921.946
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.827.991.144	2.520.058.020
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.155.555.665	9.986.863.926
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	764	684
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	764	684

Người lập biểu



Lê Thị Thùy Trang

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý


Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.983.546.809	12.506.921.946
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	17.474.258.494	17.305.577.253
- Các khoản dự phòng	03	73.561.720	1.157.178.763
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.297.078)	(324.029.342)
- Chi phí lãi vay	06	889.133.455	1.053.396.288
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	32.397.203.400	31.699.044.908
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.651.427.239	2.447.716.496
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.001.607.500)	(173.247.933)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.871.435.478)	(22.986.332.044)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.156.836.686	(1.224.998.025)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(899.713.455)	(1.034.563.003)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.365.784.777)	(2.496.065.139)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.961.845.808)	(3.894.301.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.105.080.307	2.337.253.723
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.120.644.930)	(21.930.155.082)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.051.089	324.029.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.089.593.841)	(21.606.125.740)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	953.600.219	2.557.572.850
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19.451.173.069)	(10.940.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.335.171.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.832.744.050)	(8.382.427.150)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.817.257.584)	(27.651.299.167)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.963.426.489	32.614.725.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.146.168.905	4.963.426.489

Người lập biểu



Lê Thị Thùy Trang

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Phó Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Quý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100119570 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07/12/2016.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1892/UBCK-GSDC ngày 12/04/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 521B Nguyễn Chí Thanh, Khóm 3, Phường 6, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị;
- Khoan khai thác nước ngầm;
- Hệ thống thoát nước công ích trên địa bàn Thành phố Trà Vinh;
- Quản lý và xây lắp các hệ thống cấp nước;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, không có thay đổi bất thường gì ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Cầu Ngang – Trà Cú
- Chi nhánh Tiểu Cần – Cầu Kè
- Chi nhánh Xây lắp – Dịch vụ
- Chi nhánh cấp nước TX Duyên Hải
- Trạm cấp nước TT Trà Cú
- Trạm cấp nước TT Cầu Kè
- Trạm cấp nước TT Châu Thành
- Xí nghiệp quản lý Thoát nước
- Xí nghiệp Cấp nước



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

13884
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VỤ TỰ
NH KẾ
KIỂM TOÁN
M VIỆT
P. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 - 25 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

030
TRÀ
C
V
V

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	3.768.451	22.028.538
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.142.400.454	4.622.475.054
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	-	318.922.897
Cộng	3.146.168.905	4.963.426.489
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Nam Tân	701.326.452	701.326.452
Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội-ĐA Lia 5,6,7	197.399.249	197.399.249
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Trà Vinh	291.937.000	110.936.000
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành	126.139.280	82.746.001
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.960.239.349	8.155.922.006
Cộng	9.277.041.330	9.248.329.708
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Không phát sinh		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Hân Minh	59.148.348	59.148.348
Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam	97.625.000	-
Công ty CP Nước và Môi trường Hoàng Gia	37.439.000	-
Trả trước cho người bán khác	44.000.000	10.450.000
Cộng	238.212.348	69.598.348
4. Phải thu khác	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	610.757.376	1.101.984.947
Tạm ứng	60.315.000	30.195.000
Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10	398.344.740	398.344.740
Ông Huỳnh Anh Dũng	88.508.116	88.508.116
Chi phí nước thải	-	502.993.722
Chi phí súc rửa tuyến ống cấp nước sinh hoạt	-	38.455.043
Lãi dự thu ngân hàng	-	7.754.011
Các khoản phải thu khác	63.589.520	35.734.315
b) Dài hạn	-	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-
Cộng	610.757.376	1.101.984.947

21388
CÔNG T
NHIỆM H
VỤ TU
LÍNH KÍ
KIỂM T
AM VIẾ
P. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Công ty CP XD công trình Thủy Hà Nội-ĐA Lia 5,6,7
Công ty CP Nam Tân
Xí nghiệp Dịch vụ - thi công dự án LIA 10
Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành
Ông Huỳnh Anh Dũng
Các khoản phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	1.792.294.877	(1.230.740.483)	1.441.365.370	(897.735.416)
	197.399.249	(128.247.800)	90.557.399	(64.339.860)
	701.326.452	(690.492.530)	689.376.237	(483.955.462)
	398.344.740	(152.334.164)	398.344.740	(152.334.164)
	123.360.980	(70.106.695)	82.746.001	(41.373.001)
	88.508.116	(88.508.116)	88.508.116	(88.508.116)
	283.355.340	(101.051.178)	91.832.877	(67.224.813)
Cộng	1.792.294.877	(1.230.740.483)	1.441.365.370	(897.735.416)

6. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	10.043.133.946	-	8.712.596.306	(259.443.347)
	-	-	328.930.140	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10.043.133.946	-	9.041.526.446	(259.443.347)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	-	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	-
b) Dài hạn	11.121.639.825	12.278.476.511
Chi phí lắp đặt ống nhánh, thùy lượng kế	5.520.058.611	5.288.450.506
Chi phí thay thế đồng hồ nước định kỳ	2.793.863.268	3.826.449.205
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.666.898.734	1.346.720.225
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	740.073.781	1.109.189.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	400.745.431	707.667.351
Cộng	11.121.639.825	12.278.476.511
8. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn kinh doanh Dự án Nhà máy nước		
+ Thị trấn Trà Cú - Chi phí BQL Dự án	-	166.343.809
+ Thị trấn Cầu Kè	49.596.861	49.596.861
+ Thành phố Trà Vinh	-	1.809.072.320
Cộng	49.596.861	2.025.012.990



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	76.750.200.417	63.159.398.169	231.235.811.144	11.163.896.358	2.976.153.281	385.285.459.369
Số dư đầu năm	33.014.470	1.501.440.835	6.212.636.738	2.026.956	-	7.749.118.999
Số tăng trong năm	-	1.467.213.350	6.094.955.649	-	-	7.562.168.999
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Tặng khác (*)</i>	33.014.470	34.227.485	117.681.089	2.026.956	-	186.950.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	76.783.214.887	64.660.839.004	237.448.447.882	11.165.923.314	2.976.153.281	393.034.578.368
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	20.007.605.779	22.250.782.573	58.420.061.244	4.415.722.044	778.755.559	105.872.927.199
Số tăng trong năm	3.146.188.054	4.274.584.536	8.786.474.636	1.043.741.842	124.549.032	17.375.538.100
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.146.188.054	4.274.584.536	8.786.474.636	1.043.741.842	124.549.032	17.375.538.100
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.153.793.833	26.525.367.109	67.206.535.880	5.459.463.886	903.304.591	123.248.465.299
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	56.742.594.638	40.908.615.596	172.815.749.900	6.748.174.314	2.197.397.722	279.412.532.170
Tại ngày cuối năm	53.629.421.054	38.135.471.895	170.241.912.002	5.706.459.428	2.072.848.690	269.786.113.069

(*) Điều chỉnh Nguyên giá TSCĐ theo giá trị quyết toán công trình.

	31/12/2018	01/01/2018
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	15.160.691.926	13.978.187.357
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	155.233.855.225	105.626.303.012



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	3.174.790.024	224.451.970	3.399.241.994
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	3.174.790.024	224.451.970	3.399.241.994
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	162.094.834	115.748.804	277.843.638
Số tăng trong năm	77.579.088	21.141.306	98.720.394
- Khấu hao trong năm	77.579.088	21.141.306	98.720.394
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	239.673.922	136.890.110	376.564.032
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu năm	3.012.695.190	108.703.166	3.121.398.356
Tại ngày cuối năm	2.935.116.102	87.561.860	3.022.677.962

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.353.208.611 đồng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.097.338.481	6.725.812.550
+ Thi công tuyến ống phân phối	333.243.216	906.958.528
+ Dự án đầu tư cấp nước xã H.Tân, C.Điền & Thị trấn Cầu Kè	3.683.652.375	3.683.652.375
+ Dự án cải tạo trạm cấp nước Cầu Kè	-	2.135.201.647
+ Hệ thống xử lý CLN NM Nước TP.Trà Vinh	76.072.890	-
+ Dự án HT xử lý nguồn nước mặt sông Láng Thè	4.370.000	-
Mua sắm TSCĐ	-	-
Cộng	4.097.338.481	6.725.812.550

0521
CÓ
KẾ
TOÁN
CHÍNH
TRÀ VINH
TP.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CP CÁP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018			01/01/2018				
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.000.000.000	3.000.000.000	-		3.000.000.000	3.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải (*)	20%	3.000.000.000	3.000.000.000	-	20%	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Cộng		3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-

(*) Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100542338 đăng ký ngày 20/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp. Vốn điều lệ 15 tỷ đồng. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Công ty đã góp vào Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Duyên Hải số tiền 3 tỷ đồng tương đương 20% vốn điều lệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13. Phải trả người bán				
a) Phải trả người bán ngắn hạn	2.015.879.090	2.015.879.090	2.775.207.314	2.775.207.314
Công ty Cổ phần Nước Lành	6.493.645	6.493.645	272.437.536	272.437.536
Công ty TNHH TV XD hạ tầng KT & Môi trường Thanh Hưng	90.623.000	90.623.000	90.623.000	90.623.000
Tổng Công ty cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	-	-	2.152.000.000	2.152.000.000
Công ty TNHH TM-DV-KT Đức Hùng	277.717.000	277.717.000	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	144.506.197	144.506.197	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	198.000.000	198.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hóa chất Việt Nam	194.400.000	194.400.000	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Ô tô Thành Công	578.000.000	578.000.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	526.139.248	526.139.248	260.146.778	260.146.778
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Không phát sinh				
14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước				
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	154.585.599	-	1.064.652.603	119.465.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	186.760.516	2.365.784.777	648.966.883
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.090.024	407.488.861	1.350.000
Thuế tài nguyên	-	233.776.000	2.966.847.750	249.697.750
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.536.579	-	14.752.082	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.817.289.999	8.106.630.214	675.226.709
Cộng	164.122.178	2.238.916.539	14.937.156.287	1.694.707.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	76.807.557	87.387.557
Chi phí dự án Tiểu Cần - Cầu Quan	347.341.054	694.682.109
Chi phí dự án Nhà máy nước Thị trấn Duyên Hải	4.796.898.617	5.656.152.255
Chi phí dự án Trà Cú	186.970.250	668.783.594
Chi phí phải trả khác	840.730.531	555.299.713
Cộng	6.248.748.009	7.662.305.228
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	30.696.215.385	29.560.837.194
Tài sản thừa chờ xử lý	3.029.685	109.777
Cổ tức phải trả	10.974.296	-
Phải trả vốn ngân sách Nhà nước	20.774.666.499	20.774.666.499
Phải trả khác về cổ phần hóa	550.202.688	550.202.688
Chi phí nước thải	456.626.267	-
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	549.386.457	-
Khoản nhận viện trợ không hoàn lại phải nộp (*)	1.574.764.075	1.574.764.075
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN (*)	5.984.770.099	5.984.770.099
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	791.795.319	676.324.056
b) Dài hạn	213.683.934	195.110.299
Ký cược, ký quỹ dài hạn	213.683.934	195.110.299
Cộng	30.909.899.319	29.755.947.493

(*) Là các khoản Công ty phải nộp cho quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi có ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh và Bộ Tài chính.



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Xử lý CLNN	16.740.000.000	16.740.000.000	17.697.572.850	18.497.572.850	15.940.000.000	15.940.000.000
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000	2.140.000.000
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Tiểu Cần - Cầu Quan, Duyên Hải	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
	800.000.000	800.000.000	1.757.572.850	2.557.572.850	-	-
b) Dài hạn						
Vay dài hạn						
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Xử lý CLNN	106.659.493.242	106.659.493.242	-	17.697.572.850	88.961.920.392	88.961.920.392
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Duyên Hải	4.718.150.000	4.718.150.000	-	2.140.000.000	2.578.150.000	2.578.150.000
Ngân Hàng Phát Triển - DA Thị Trấn Tiểu Cần - Cầu Quan	69.802.268.010	69.802.268.010	-	10.000.000.000	59.802.268.010	59.802.268.010
Quỹ Đầu Tư Phát Triển - DA Tiểu Cần - Cầu Quan, Duyên Hải	30.381.502.382	30.381.502.382	-	3.800.000.000	26.581.502.382	26.581.502.382
	1.757.572.850	1.757.572.850	-	1.757.572.850	-	-
Cộng	123.399.493.242	123.399.493.242	18.651.173.069	37.148.745.919	104.901.920.392	104.901.920.392

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

521B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

* Chi tiết các khoản vay:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Thanh toán trên 12 tháng	Thanh toán dưới 12 tháng	Cộng	Phương thức đảm bảo
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Trà Vinh	02/2013/HĐVV-QĐTPT ngày 09/05/2013	8 năm	8%/năm	2.578.150.000	2.140.000.000	4.718.150.000	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	01/2012/HĐODA-NHPTVN ngày 24/08/2012	15 năm	0,3%/năm	59.802.268.010	10.000.000.000	69.802.268.010	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Vay vốn ODA từ Cơ Quan Phát Triển Pháp (AFD)	20/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 26/08/2013	15 năm	0,3%/năm	26.581.502.382	3.800.000.000	30.381.502.382	Thế chấp TS hình thành sau đầu tư
Cộng				88.961.920.392	15.940.000.000	104.901.920.392	

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

52/1B Nguyễn Chí Thanh, P.6, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	145.978.600.000	6.039.637.027	-	213.768.664	152.232.005.691
Tăng vốn do nhận viện trợ		1.574.764.075			1.574.764.075
Điều chỉnh theo quyết định của thanh tra		(54.866.928)			(54.866.928)
Lợi nhuận trong năm				9.986.863.926	9.986.863.926
Số dư cuối năm trước	145.978.600.000	7.559.534.174	-	10.200.632.590	163.738.766.764
Số dư đầu năm nay	145.978.600.000	-	-	10.200.632.590	156.179.232.590
Lợi nhuận trong năm				11.155.555.665	11.155.555.665
Trả cổ tức năm 2017				(2.346.145.496)	(2.346.145.496)
Trích Quỹ đầu tư phát triển			5.610.347.923	(5.610.347.923)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi				(2.040.126.518)	(2.040.126.518)
Thường Ban điều hành				(204.012.653)	(204.012.653)
Số dư cuối năm nay	145.978.600.000	-	5.610.347.923	11.155.555.665	162.744.503.588

27/388
 NG TH
 KH H
 U T
 H K
 M TO
 VIET
 HOC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	31/12/2018		01/01/2018	
		VND		VND	
Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh	82,34%	120.196.600.000	82,34%	120.196.600.000	
Công ty CP Nước và Môi trường Đồng Bằng	10,00%	14.598.540.000	10,00%	14.598.540.000	
Công ty CP Rynan Technologies Vietnam	5,07%	7.401.460.000	5,07%	7.401.460.000	
Vốn góp của các đối tượng khác	2,59%	3.782.000.000	2,59%	3.782.000.000	
Cộng	100%	145.978.600.000	100%	145.978.600.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	145.978.600.000	145.978.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	145.978.600.000	145.978.600.000

d) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	14.597.860	14.597.860
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu phổ thông	14.597.860	14.597.860
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản nhận giữ hộ bao gồm:**

Giá trị còn lại Đài nước 500m3 phần xây dựng và phần công nghệ: 2.953.992.048 đồng, và đường nội bộ: 93.180.643 đồng. Tuy nhiên hai tài sản này Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh không tiếp nhận theo biên bản bàn giao trên sổ sách các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh ngày 22/05/2017.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.244.765.634	83.482.281.007
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước máy	83.771.105.900	76.939.437.180
Doanh thu thoát nước via hệ	5.660.872.000	4.571.153.000
Doanh thu bán vật liệu ngành nước	154.595.948	186.019.176
Doanh thu xây lắp	1.445.548.648	1.485.697.601
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.643.138	299.974.050
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Không phát sinh		
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước máy	47.997.562.054	44.854.287.064
Giá vốn thoát nước via hệ	2.169.641.371	2.313.966.327
Giá vốn bán vật liệu ngành nước	132.820.033	132.781.779
Giá vốn xây lắp	1.771.601.385	1.300.653.548
Giá vốn cung cấp dịch vụ	150.815.955	136.608.744
Cộng	52.222.440.798	48.738.297.462
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.297.078	24.029.342
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	300.000.000
Cộng	23.297.078	324.029.342
4. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	889.133.455	1.053.396.288
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	-
Cộng	889.133.455	1.053.396.288

TRÀ VINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	44.339.000	17.500.454
Chi phí nhân công	3.675.126.953	3.520.271.687
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.638.561.903	4.992.606.950
Chi phí khấu hao	185.374.772	259.406.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.262.275	165.679.234
Chi phí khác bằng tiền	199.334.969	258.190.643
Cộng	9.970.999.872	9.213.655.638
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	562.340.598	581.378.154
Chi phí nhân công	7.813.068.494	7.404.018.467
Chi phí khấu hao	532.259.653	499.088.045
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	333.005.067	897.735.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.765.647	600.099.215
Chi phí khác bằng tiền	2.131.295.169	2.370.378.438
Cộng	12.603.734.628	12.352.697.735
7. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lắp đặt thủy lượng kế, khảo sát vận chuyển	193.699.633	152.172.752
Thu cho thuê văn phòng	21.818.180	21.818.180
Hoàn nhập tiền chậm nộp phí bảo vệ môi trường	89.058.396	-
Thu tiền vật tư, nhân công vá ống bê	37.080.890	3.405.020
Thu nhập khác	8.473.968	15.417.896
Cộng	350.131.067	192.813.848
8. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	245.911	35.190.078
Chi phí Dự án ngưng hoạt động	1.888.755.000	-
Khoản phạt chậm nộp phí bảo vệ môi trường	-	89.058.396
Chi phí khác	59.337.306	9.906.654
Cộng	1.948.338.217	134.155.128



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.983.546.809	12.506.921.946
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	156.408.911	93.368.152
- Các khoản điều chỉnh tăng	156.408.911	393.368.152
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	156.408.911	393.368.152
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(300.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(300.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	14.139.955.720	12.600.290.098
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	2.827.991.144	2.520.058.020

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.155.555.665	9.986.863.926
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.155.555.665	9.986.863.926
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.597.860	14.597.860
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	764	684
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	764	684

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2018.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.332.100.833	19.568.664.942
Chi phí nhân công	22.704.703.569	24.782.697.392
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.474.258.494	17.305.577.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.495.250.654	1.673.514.126
Chi phí khác bằng tiền	7.461.931.608	7.089.536.262
Tổng cộng	74.468.245.158	70.419.989.975

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Luong, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.038.733.622	1.810.650.314

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch và nước máy phục vụ sinh hoạt của đô thị nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.146.168.905	-	4.963.426.489	-
Phải thu khách hàng	9.277.041.330	(973.909.877)	9.248.329.708	(640.904.810)
Phải thu khác	848.969.724	(256.830.606)	1.171.583.295	(256.830.606)
Cộng	13.272.179.959	(1.230.740.483)	15.383.339.492	(897.735.416)
			Giá trị ghi sổ	
Công nợ tài chính			31/12/2018	01/01/2018
Các khoản vay			104.901.920.392	123.399.493.242
Phải trả người bán			2.015.879.090	2.775.207.314
Chi phí phải trả			6.248.748.009	7.662.305.228
Phải trả khác			36.995.295.759	39.249.818.766
Cộng			150.161.843.250	173.086.824.550

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

521B
CỘNG HÒA
HỘI CHỨC
HỘI
HÌNH
KIỂM
NAM
TP. 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.09, V.10 và V.17). Tại thời điểm 31/12/2018 Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	61.199.922.858	88.961.920.392	150.161.843.250
Các khoản vay	15.940.000.000	88.961.920.392	104.901.920.392
Phải trả người bán	2.015.879.090	-	2.015.879.090
Chi phí phải trả	6.248.748.009	-	6.248.748.009
Phải trả khác	36.995.295.759	-	36.995.295.759
Số đầu năm	66.427.331.308	106.659.493.242	173.086.824.550
Các khoản vay	16.740.000.000	106.659.493.242	123.399.493.242
Phải trả người bán	2.775.207.314	-	2.775.207.314
Chi phí phải trả	7.662.305.228	-	7.662.305.228
Phải trả khác	39.249.818.766	-	39.249.818.766

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh kiểm toán, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 là số liệu của đơn vị cung cấp.

Số liệu đầu năm trên bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch
	31/12/2017	01/01/2018 (Trình bày lại)	
Nợ ngắn hạn	59.627.595.391	67.187.129.565	7.559.534.174
Phải trả ngắn hạn khác	22.001.303.020	29.560.837.194	7.559.534.174
Vốn chủ sở hữu	163.738.766.764	156.179.232.590	(7.559.534.174)
Vốn khác của chủ sở hữu	7.559.534.174	-	(7.559.534.174)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2018 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Lê Thị Thùy Trang

Trà Vinh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng



Đào Thiện Duyên

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quý





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2018

Trà Vinh, ngày 17 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TRÀ VINH

Địa chỉ Số 521B Nguyễn Chí Thanh, P. 6, Tp. Trà Vinh, T. Trà Vinh

Số điện thoại (0294) 384 0215

Số fax (0294) 385 0656

Website www.trawaco.com.vn

